

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG KONTUM

(Giấy chứng nhận ĐKDN số 6100102662 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh KonTum cấp lần đầu ngày 10/10/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 26 tháng 8 năm 2020)

Địa chỉ : Thôn 2 xã Kroong, thành phố KonTum, tỉnh KonTum, Việt Nam

Điện thoại: 0260.3861929 - 0260.3856340

Fax : 0260.3861929

Website : kovalixa.net

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên : Nguyễn Viết Giáp

Chức vụ : Kế toán trưởng

Số điện thoại: 0936 262 939

KonTum, tháng 11/2021





MỤC LỤC

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH.....	4
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	4
2. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành.....	12
3. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành.....	12
4. Cơ cấu cổ đông.....	17
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Công ty, những công ty mà Công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty.....	18
6. Hoạt động kinh doanh.....	18
7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2019 và 2020.....	24
8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành.....	25
9. Chính sách đối với người lao động.....	27
10. Chính sách cổ tức.....	29
11. Tình hình tài chính.....	30
12. Tình hình tài sản của Công ty.....	37
13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	38
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty.....	41
15. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh.....	41
16. Các thông tin, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty.....	42
II. QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	42
1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động của Hội đồng quản trị.....	42
2. Ban Kiểm soát.....	47
3. Giám đốc và người quản lý khác.....	50
4. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty.....	51
5. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ.....	53
6. Thống kê các giao dịch giữa Công ty với người có liên quan trong năm 2020.....	62
III. PHỤ LỤC.....	62



DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Tóm tắt quá trình tăng vốn của Công ty	8
Bảng 2: Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 01/10/2021	17
Bảng 3 : Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần tại ngày 01/10/2021	17
Bảng 4: Sản lượng sản xuất và sản lượng tiêu thụ của Công ty	21
Bảng 5: Sản lượng tiêu thụ vật liệu xây dựng thương mại của Công ty	23
Bảng 6: Kết quả hoạt động kinh doanh các năm gần đây của Công ty	24
Bảng 7: Cơ cấu lao động của Công ty hiện nay	27
Bảng 8: Mức lương bình quân tại Công ty	28
Bảng 9: Chính sách Cổ tức của Công ty	29
Bảng 10: Trích khấu hao tài sản cố định của Công ty	30
Bảng 11: Các khoản phải nộp Nhà nước các năm gần đây	31
Bảng 12: Các khoản phải thu của Công ty các năm gần đây	33
Bảng 13: Các khoản nợ phải trả của Công ty các năm gần đây	34
Bảng 14: Tình hình hàng tồn kho các năm gần đây của Công ty	35
Bảng 15: Các khoản đầu tư tài chính của Công ty các năm gần đây	36
Bảng 16: Các chỉ tiêu tài chính của Công ty	36
Bảng 17: Tình hình sử dụng đất của Công ty hiện nay	37
Bảng 18: Tình hình tài sản đang sử dụng của Công ty tại ngày 31/12/2020	38
Bảng 19: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2021	38

DANH MỤC HÌNH VẼ

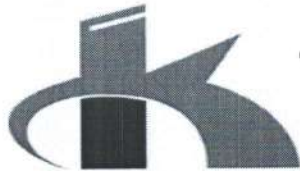
Hình 1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty	12
Hình 2: Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	13



I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung về Tổ chức đăng ký giao dịch

- Tên Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG KON TUM
- Tên Tiếng Anh : KON TUM CONSTRUCTION MATERIALS SUPPLY AND PRODUCTION JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt : KOVALIXA
- Trụ sở chính : Thôn 2 xã Kroong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam
- Điện thoại : 0260.3861929 - 0260.3856340
- Fax : 0260.3861929
- Email : tuynelkontum@gmail.com
- Website : kovalixa.net
- Logo 
- Vốn điều lệ đăng ký : 33.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp : 33.000.000.000 đồng
- Giấy chứng nhận ĐKKD số 6100102662 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 10/10/2005; Đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 26/8/2020
- Người đại diện theo pháp luật : Ông Hoàng Văn Công – Chức vụ: Giám đốc
- Ngày trở thành Công ty đại chúng : 26/8/2020

❖ *Ngành nghề kinh doanh chính:*

Theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 6100102662 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 10/10/2005; cấp thay đổi lần thứ 9 ngày 26/8/2020, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:



STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392 (Chính)
2	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn sơn, véc ni	4663
3	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
4	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
5	Sản xuất điện	3511
6	Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: - Hoạt động truyền tải điện (Trừ hoạt động truyền tải điện mạng lưới điện quốc gia) – Hoạt động phân phối điện	3512

1.2. Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch

- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Mã chứng khoán: NXT
- Tổng số chứng khoán đăng ký giao dịch: 3.300.000 cổ phiếu
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của TCĐKGD: Không có
- Giới hạn tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại công ty: tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. Ngày 24/09/2021, Ủy ban chứng khoán Nhà nước đã có công văn số 5522/UBCK-PTTT về việc đã nhận được hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu xây dựng Kon Tum ở mức 50% đầy đủ, hợp lệ theo quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP. Như vậy, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 50%.
- Tại thời điểm ngày 16/11/2021, số lượng cổ phần sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty là 0 cổ phần - tương ứng 0% vốn điều lệ.

1.3. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu xây dựng Kon Tum tiền thân là Công ty Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng - doanh nghiệp Nhà nước, được thành lập theo Quyết định số 149/QĐ-UB ngày 17/9/1992 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum. Công ty Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng kinh doanh các ngành nghề: sản xuất gạch ngói, các sản phẩm gốm sứ, đá xây dựng, vật liệu chịu lửa mác thấp; kinh doanh vật liệu xây dựng, khí đốt xây dựng, khí đốt dân dụng,



công nghiệp; xăng dầu, khí hóa lỏng, các sản phẩm hóa dầu; xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình nước sạch nông thôn.

Năm 2005, Công ty Sản xuất và Cung ứng Vật liệu xây dựng Kon Tum thực hiện cổ phần hóa, chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu xây dựng Kontum theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6100102662 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 10/10/2005 với số vốn điều lệ là 816,6 triệu đồng, tương ứng 81.660 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất các sản phẩm gốm sứ, vật liệu xây dựng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6100102662 cấp lần đầu ngày 10/10/2005, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum sở hữu 62.466 cổ phần, chiếm 76,5% vốn điều lệ. Đồng thời, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum đã thực hiện chuyển giao số cổ phần đang sở hữu tại Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng Kon Tum về Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) để thực hiện thoái vốn Nhà nước. Trong năm 2009, SCIC đã thực hiện thành công việc thoái toàn bộ phần vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng Kon Tum bằng hình thức bán đấu giá cho các nhà đầu tư cá nhân khác, tổng số lượng cổ phần đấu giá thành công là 62.466 cổ phần.

Từ khi thành lập đến nay, Công ty phát triển theo hướng trở thành một mô hình doanh nghiệp sản xuất gạch ngói đất sét nung: gạch ngói bằng công nghệ lò Tuynel hướng đến bảo vệ môi trường với quy mô đáp ứng nhu cầu thị trường trong và xung quanh địa bàn hoạt động.

Ngày 08/01/2015, Công ty cổ phần Sản xuất và cung ứng vật liệu xây dựng Kon Tum được UBND tỉnh Kon Tum cấp giấy chứng nhận đầu tư lần đầu số: 38121000160 về dự án di dời nhà máy gạch Tuynel từ địa chỉ 494 Phan Đình Phùng, thành phố Kon Tum, tỉnh Kontum về địa chỉ tại thôn 2 xã Kroong thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum với diện tích đất dự kiến sử dụng: 36.655m² và tổng vốn đầu tư 41,6 tỷ đồng trong đó vốn tự có 18,8 tỷ đồng (chiếm 45%). Thời gian thực hiện dự án là 50 năm kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đầu tư, tiến độ thực hiện 1 năm (năm 2015). Dự án có mục tiêu thực hiện di dời về các cơ sở gây ô nhiễm môi trường ra khỏi nội thị và các cơ sở phải di dời theo quy hoạch xây dựng đô thị; đổi mới công nghệ thiết bị tiên tiến, tạo ra những sản phẩm chất lượng phù hợp với TCVN 1450-2009, cung cấp cho thị trường 20 triệu viên gạch/năm.

Ngày 09/6/2015, Công ty nhận được Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh lần thứ nhất từ UBND tỉnh Kon Tum về dự án di dời nhà máy gạch Tuynel. Nội dung điều chỉnh tổng số vốn đầu tư từ 41,6 tỷ đồng xuống còn 37,6 tỷ đồng và tiến độ thực hiện dự án từ 1 năm lên 3 năm (Khởi công năm 2014; hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng năm 2016)

Ngày 11/8/2016, Công ty cổ phần Sản xuất và cung ứng vật liệu xây dựng Kon Tum được sở xây dựng tỉnh Kon Tum cấp giấy phép số 31/GPXD về việc xây dựng các công trình thuộc dự án di dời Nhà máy gạch Tuynel. Tổng số 13 công trình, bao gồm nhà bao che (nhà điều hành, lò nung, hầm sấy, dây chuyền chế biến tạo hình số 1-2, nhà bán máy 1-2, hệ móng máy chế biến), kho than, nhà chứa đất, tháp nước, nhà ăn ca, nhà vệ sinh (02 nhà), nhà bao che máy cấp liệu thùng, nhà bán mái băng tải, nhà bảo vệ, cổng chính, cổng phụ, tường rào. Dự án được thực hiện trên tổng diện tích xây dựng là: 8.267,6m²; tổng diện tích sàn là: 8,464,1 m² tại lô đất có thửa số 686, tờ bản đồ số 27, diện tích lô đất: 25.509,8m² và lô đất có thửa số 687, tờ bản đồ số 27, diện tích lô đất 10.878,1m² thuộc thôn 2, xã Kroong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum theo các giấy chứng nhận quyền sử



dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 734194 và số BX 734195 được UBND cấp ngày 18/6/2015.

Ngày 30/9/2016, Công ty nhận được Giấy chứng nhận đầu tư thay đổi lần thứ 2 số 38121000160 về dự án di dời và đổi mới công nghệ nhà máy gạch Tuynel công nghệ mới tại thôn 2, xã Kroong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum với quy mô dự án là 20.000.000 viên QTC/năm. Đến cuối năm 2019, dự án đã được hoàn thành đưa vào sử dụng, áp dụng quy trình sản xuất gạch Tuynel với công nghệ lò Tuynel mới.

Ngày 31/12/2019, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua Nghị quyết số 3212/NQ-HĐQT về việc tạm dừng sản xuất 6 tháng kể từ 10/01/2020 để thực hiện việc sửa chữa định kỳ máy móc thiết bị, nâng cấp hệ thống lò, nhà xưởng sản xuất (thời gian sửa chữa định kỳ từ 10-15 ngày) và tiến hành lắp đặt hệ thống điện mặt trời trên mái nhà máy. Hệ thống điện mặt trời được lắp đặt trên mái nhà xưởng tại địa chỉ thôn 2, xã Kroong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum với tổng diện tích khoảng 5.200 m², số lượng các tấm pin là 1.807 tấm và công suất lắp đặt của hệ thống là 717,12kWp. Việc lắp đặt hệ thống này nhằm mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh tại nhà máy, tiết kiệm chi phí điện hàng tháng nhờ việc giảm giá bậc điện tiêu thụ, công suất điện thừa có thể bù trừ vào hóa đơn tiền điện hàng tháng hoặc bán lại cho EVN.

Để đáp ứng vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như mở rộng quy mô doanh nghiệp, từ năm 2014 đến năm 2019, Công ty đã thực hiện thành công 2 đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ, nâng vốn điều lệ từ 816,6 triệu đồng lên 33 tỷ đồng bằng hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ và phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

Ngày 08/6/2020, Công ty được UBND tỉnh Kon Tum cấp GPXD số 23/GPXD về việc xây dựng các công trình bao gồm: nhà phơi gạch (19 nhà), nhà để xe (02 nhà) và nhà chứa đất (01 nhà) thuộc dự án di dời nhà máy gạch Tuynel.

Ngày 26/8/2020, Công ty đã chính thức trở thành Công ty đại chúng theo công văn số 5231/UBCK-GSĐC ngày 26/8/2020 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Ngày 30/9/2020, Công ty được Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 61/2020/GCNCP-VSD với mã chứng khoán là NXT, tổng số lượng cổ phiếu đăng ký lưu ký là 3.300.000 cổ phiếu.

Hiện nay, Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu xây dựng Kon Tum hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6100102662 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 10/10/2005; cấp thay đổi lần thứ 9 ngày 26/08/2020 với số vốn điều lệ là 33 tỷ đồng.

1.4. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn Điều lệ của Công ty

Tại thời điểm thành lập (10/10/2005), vốn điều lệ của Công ty là 816.600.000 đồng. Đến tháng 07/2019, vốn điều lệ thực góp của Công ty là 33.000.000.000 đồng. Công ty không có đợt giảm vốn nào kể từ ngày thành lập. Quá trình góp vốn và tăng vốn của Công ty như sau:



Bảng 1: Tóm tắt quá trình tăng vốn của Công ty

STT	Thời điểm	Vốn điều lệ trước phát hành (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau phát hành (triệu đồng)	Số vốn điều lệ tăng thêm (triệu đồng)	Hình thức phát hành
	Thành lập	816,6			
1.	20/8/2014	816,6	1.959,84	1.143,24	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức từ nguồn vốn chủ sở hữu
	26/12/2016	1.959,84	30.000	28.040,16	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
2.	08/07/2019	30.000	33.000	3.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức từ nguồn vốn chủ sở hữu

(Nguồn: CTCP Sản xuất và Cung ứng Vật liệu xây dựng Kon Tum)

Chi tiết quá trình tăng vốn điều lệ

❖ *Vốn điều lệ đăng ký tại ngày thành lập Công ty: 816,6 triệu đồng*

(Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6100102662 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 10/10/2005 dưới hình thức công ty cổ phần)

- Vốn điều lệ: 816.600.000 đồng (Tám trăm mười sáu triệu sáu trăm nghìn đồng)
- Số lượng cổ phiếu: 81.660 cổ phiếu (Tám mươi một nghìn sáu trăm sáu mươi cổ phiếu)
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

❖ *Tăng vốn từ 816,6 triệu đồng lên 30 tỷ đồng*

Cơ sở pháp lý:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6100102662 đăng ký lần đầu ngày 10/10/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 09/09/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp.
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 1408/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14/08/2014 về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ;
- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 0501/2015/NQ-HĐQT ngày 05/01/2015 về việc thông qua phương án phân phối số cổ phần chưa đăng ký hết của đợt tăng vốn điều lệ từ 816,6 triệu đồng lên 30 tỷ đồng;
- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 2712/2016/NQ-HĐQT ngày 27/12/2016 về việc thông qua kết quả chào bán cổ phần của đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 816,6 triệu đồng lên 30 tỷ đồng;



Chi tiết đợt phát hành:

- **Vốn điều lệ trước khi phát hành** : 816.600.000 đồng (Tám trăm mười sáu triệu sáu trăm nghìn đồng)
- **Vốn điều lệ sau khi phát hành** : 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng)
- **Hình thức phát hành** : Phát hành cổ phiếu trả cổ tức từ nguồn vốn chủ sở hữu và phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
- **Mục đích phát hành** : phát hành cổ phiếu trả cổ tức và bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty
- **Cơ quan chấp thuận** : ĐHĐCĐ Công ty cổ phần Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng Kon Tum
- **Thời gian hạn chế chuyển nhượng** : Không hạn chế chuyển nhượng
- **Đối tượng phát hành** : Cổ đông hiện hữu

Phát hành cổ phiếu trả cổ tức

- **Số lượng cổ đông trước khi tăng vốn** : 07 cổ đông
- **Số lượng cổ đông tham gia** : 07 cổ đông
- **Số lượng cổ đông sau khi tăng vốn** : 07 cổ đông
- **Nguồn phát hành** : Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ BCTC năm 2013 của Công ty
- **Mục đích phát hành** : phát hành cổ phiếu trả cổ tức
- **Tỷ lệ phát hành** : 140% (Cổ đông hiện hữu sở hữu 100 cổ phiếu cũ được quyền nhận thêm 140 cổ phiếu mới)
- **Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành** : 114.324 cổ phiếu
- **Số lượng cổ phiếu phát hành thành công** : 114.324 cổ phiếu
- **Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá** : 1.143.240.000 đồng
- **Ngày hoàn thành đợt phát hành** : 20/8/2014

Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

- **Số lượng cổ đông trước khi tăng vốn** : 07 cổ đông



- Số lượng cổ đông tham gia : 01 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau khi phát hành : 07 cổ đông
- Mục đích phát hành : bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty
- Giá phát hành : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành : 2.804.016 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phát hành thành công : 2.078.816 cổ phiếu
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá : 20.788.160.000 đồng
- Ngày hoàn thành đợt chào bán : 11/8/2016
- Số lượng cổ phiếu phát hành không thành công : 725.200 cổ phiếu (HĐQT tiếp tục chào bán cho cổ đông khác là nhà đầu tư chiến lược)

Phát hành cổ phiếu cho cổ đông khác là nhà đầu tư chiến lược

- Số lượng cổ đông trước khi tăng vốn : 01 cổ đông
- Số lượng cổ đông tham gia : 01 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau khi phát hành : 01 cổ đông
- Mục đích phát hành : bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty
- Giá phát hành : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành : 725.200 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phát hành thành công : 725.200 cổ phiếu
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá : 7.252.000.000 đồng
- Ngày hoàn thành đợt chào bán : 26/12/2016

❖ Tăng vốn từ 30 tỷ đồng lên 33 tỷ đồng

Cơ sở pháp lý:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6100102662 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 10/10/2005, cấp thay đổi lần thứ 07 ngày 11/07/2019.



- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 03/2019/KOVALIXA/NQ-ĐHĐCĐ ngày 02/07/2019 về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ;

Chi tiết đợt phát hành:

- Vốn điều lệ trước khi phát hành : 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng)
- Vốn điều lệ sau khi phát hành : 33.000.000.000 đồng (Ba mươi ba tỷ đồng)
- Hình thức phát hành : Phát hành cổ phiếu trả cổ tức từ nguồn vốn chủ sở hữu
- Cơ quan chấp thuận : ĐHĐCĐ Công ty cổ phần Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng Kon Tum
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng : Không hạn chế chuyển nhượng
- Đối tượng phát hành : Cổ đông hiện hữu
- Số lượng cổ đông trước khi tăng vốn : 05 cổ đông
- Số lượng cổ đông tham gia : 05 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau khi tăng vốn : 05 cổ đông
- Nguồn phát hành : Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và quỹ đầu tư phát triển của Công ty trên BCTC năm 2018
- Mục đích phát hành : phát hành cổ phiếu trả cổ tức
- Tỷ lệ phát hành : 10% (Cổ đông hiện hữu sở hữu 10 cổ phiếu cũ sẽ có quyền nhận thêm 01 cổ phiếu mới)
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành thành công : 300.000 cổ phiếu (Ba trăm nghìn cổ phiếu)
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá : 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng)
- Ngày hoàn thành đợt phát hành : 08/07/2019

1.5. Thông tin về cơ cấu cổ đông tại ngày Công ty đáp ứng điều kiện là Công ty đại chúng

Thông tin về cơ cấu cổ đông tại ngày công ty đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng bao gồm:

- Ngày đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng: 26/08/2020
- Cơ cấu cổ đông tại ngày đáp ứng là công ty đại chúng bao gồm:
 - + Số lượng cổ đông: 152
 - + Số lượng cổ đông không phải là cổ đông lớn: 149 cổ đông

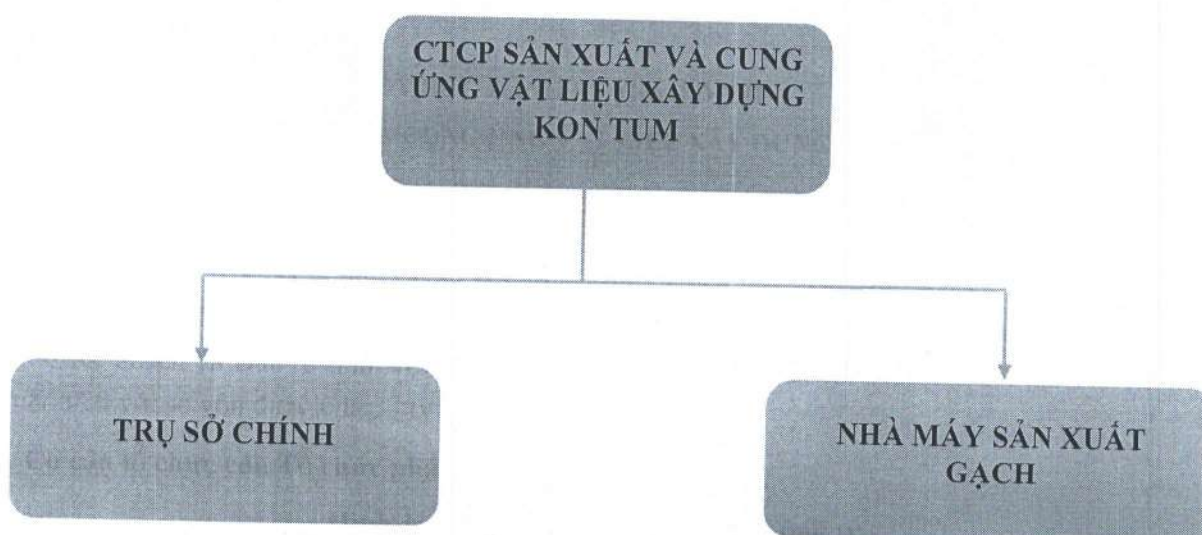


- + Tổng số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông không phải là cổ đông lớn: 2.317.000 cổ phiếu (tương ứng tỷ lệ 70,21%)

Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6100102662 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 10/10/2005, cấp thay đổi lần thứ 9 ngày 26/8/2020 với số vốn điều lệ là 33 tỷ đồng.

2. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành

Hình 1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty



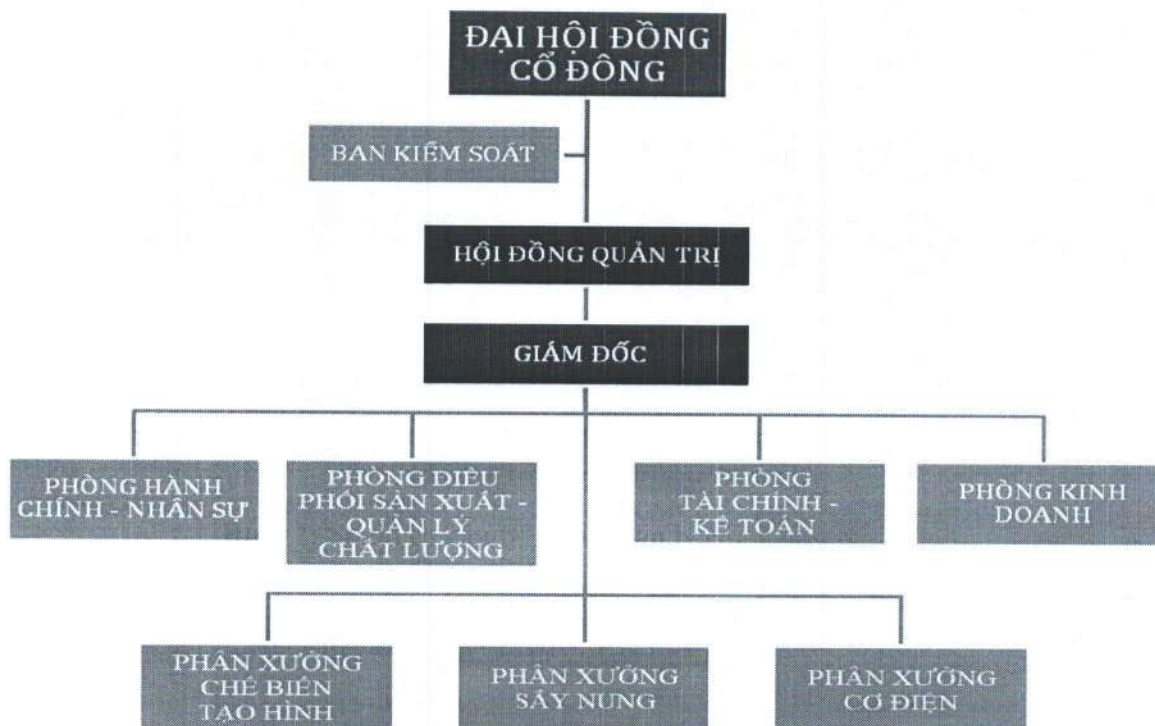
(Nguồn: CTCP Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng Kon Tum)

- Trụ sở chính của CTCP Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng Kon Tum: Thôn 2 xã Kroong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam.
- Nhà máy sản xuất gạch của CTCP Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng Kon Tum: Thôn 2 xã Kroong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

3. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành



Hình 2: Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty



(Nguồn: CTCP Sản xuất và cung ứng vật liệu xây dựng Kon Tum)

3.1. Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ Công ty và Luật pháp liên quan quy định. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Đại hội cổ đông có quyền và nhiệm vụ thông qua định hướng phát triển, quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh;
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát;
- Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính;
- Các quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.



Hội đồng quản trị giữ vai trò định hướng chiến lược kế hoạch hoạt động hàng năm, chỉ đạo và giám sát hoạt động của Công ty thông qua Ban Điều hành Công ty.

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm, thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Hội đồng quản trị của Công ty hiện nay gồm 05 (năm) thành viên:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Phạm Văn Lộc	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Ông Hoàng Văn Công	Thành viên Hội đồng quản trị điều hành
3	Ông Nguyễn Tuấn Linh	Thành viên Hội đồng không điều hành
4	Ông Dương Công Phú	Thành viên Hội đồng không điều hành
5	Ông Lê Quang Thạch	Thành viên Hội đồng không điều hành

3.3. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá 05 năm, thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra hoạt động tài chính của Công ty, giám sát việc tuân thủ chấp hành chế độ hạch toán, kế toán, quy trình, quy chế quản trị nội bộ Công ty, thẩm định Báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo Đại hội đồng cổ đông tính chính xác, trung thực, hợp pháp về Báo cáo tài chính Công ty.

Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Giám đốc và chịu sự quản lý trực tiếp của Đại hội đồng cổ đông.

Ban Kiểm soát của Công ty hiện nay có 03 (ba) thành viên gồm:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bà Nguyễn Thị Thúy Nga	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Ông Nguyễn Văn Nhu	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Bà Đào Thị Hằng Nga	Thành viên Ban Kiểm soát



3.4. Ban Giám đốc

Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của công ty và quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đồng thời chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

Ban Giám đốc của Công ty hiện nay gồm 01 (một) thành viên gồm:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Hoàng Văn Công	Giám đốc

3.5. Chức năng các phòng ban

Phòng Hành chính - Nhân sự

Phòng Hành chính - Nhân sự có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Thực hiện việc tuyển dụng nhân sự đảm bảo chất lượng theo yêu cầu, chiến lược của công ty;
- Tổ chức, phối hợp với các đơn vị khác thực hiện quản lý nhân sự, đào tạo và tái đào tạo;
- Tổ chức việc quản lý nhân sự toàn Công ty;
- Xây dựng quy chế lương thưởng, các biện pháp khuyến khích – kích thích người lao động làm việc, thực hiện các chế độ cho người lao động;
- Chấp hành và tổ chức thực hiện các chủ trương, quy định, chỉ thị của Ban Giám đốc;
- Nghiên cứu, soạn thảo và trình duyệt các quy định áp dụng trong Công ty, xây dựng cơ cấu tổ chức của công ty - các bộ phận và tổ chức thực hiện;
- Phục vụ các công tác hành chính để Ban Giám đốc thuận tiện trong chỉ đạo – điều hành, phục vụ hành chính để các bộ phận khác có điều kiện hoạt động tốt;
- Quản lý việc sử dụng và bảo vệ các loại tài sản của Công ty, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn lao động, vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ trong Công ty;
- Tham mưu đề xuất cho Ban Giám đốc để xử lý các vấn đề thuộc lĩnh vực Tổ chức - Hành chính - Nhân sự: tổ chức lao động, quản lý và bố trí nhân lực, bảo hộ lao động, chế độ chính sách, chăm sóc sức khỏe cho người lao động, bảo vệ dân sự theo luật và quy chế công ty;
- Hỗ trợ Bộ phận khác trong việc quản lý nhân sự và là cầu nối giữa Ban Giám đốc và người lao động trong Công ty. Kiểm tra, đôn đốc các bộ phận trong công ty thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế công ty.

Phòng Tài chính – Kế toán

Phòng Tài chính – Kế toán có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Tham mưu cho Hội đồng quản trị và Ban Lãnh đạo Công ty trong lĩnh vực Tài chính - Kế toán
- Tín dụng của Công ty;



- Quản lý, kiểm soát các hoạt động kinh tế tài chính kế toán trong Công ty theo các quy định về quản lý kinh tế của Nhà nước và của Công ty;
- Chịu trách nhiệm lập và nộp các báo cáo tài chính, báo cáo kết quả kinh doanh, và các báo cáo liên quan đến lĩnh vực kế toán – tài chính cho Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông và các cơ quan có liên quan: thuế, ngân hàng;
- Thực hiện công tác thanh tra tài chính các đơn vị trực thuộc Công ty.

Phòng Kinh doanh

- Tham mưu giúp Ban Giám đốc Công ty trong công việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐQT về công tác định hướng kế hoạch kinh doanh cũng như định hướng khách hàng;
- Trực tiếp triển khai tổ chức các hoạt động kinh doanh theo kế hoạch và mục tiêu đề ra;
- Tham mưu giúp Ban Giám đốc nắm bắt thông tin kịp thời về chiến lược phát triển kinh tế, xây dựng kế hoạch năm, kế hoạch dài hạn về sản xuất – kinh doanh của Công ty theo mục tiêu mà Nghị quyết của HĐQT đề ra;
- Nghiên cứu, phát triển thị trường;
- Thường xuyên nắm vững thông tin về thị trường. Tổ chức thực hiện tốt kế hoạch sản xuất – kinh doanh trong phạm vi toàn Công ty;

Thực hiện các công việc có liên quan đến chức năng nhiệm vụ của bộ phận theo yêu cầu của Ban Giám đốc.

Phòng Điều phối sản xuất và Quản lý chất lượng

- Tổng hợp, phân tích và kế hoạch hóa các chỉ tiêu sản xuất và kinh doanh. Tham mưu cho Ban lãnh đạo công ty trong việc lập kế hoạch chiến lược kinh doanh và kế hoạch đầu tư hàng năm;
- Cân đối và điều tiết các nguồn lực của sản xuất để tổ chức thực hiện công tác kế hoạch sản xuất tối ưu;
- Tham vấn cho Ban giám đốc trong chỉ đạo các vấn đề chất lượng có liên quan tới mọi mặt hoạt động của công ty;
- Tổ chức xây dựng, thực hiện, duy trì và cải tiến, đảm bảo tính hiệu lực và hiệu quả của các quá trình trong công ty phù hợp với tất cả các tiêu chuẩn chất lượng đề ra và các tiêu chuẩn khác theo yêu cầu của khách hàng.

Các phân xưởng sản xuất

- Tổ chức thực hiện sản xuất theo kế hoạch sản xuất tháng và lệnh sản xuất hàng ngày do Giám đốc và Đốc công ban hành;
- Đảm bảo hoàn thành kế hoạch sản xuất; lệnh sản xuất, đạt mức chất lượng theo yêu cầu với chi phí thấp nhất;
- Quản lý và vận hành các nguồn lực được giao theo quy định của các bộ phận chuyên trách (nhân lực, máy, thiết bị, công nghệ, nguyên vật liệu sản xuất, định mức tiêu hao...);
- Đào tạo đội ngũ công nhân có tay nghề, tư cách đạo đức tác phong theo yêu cầu của Công ty;



- Đứng đầu mỗi phân xưởng là 01 Đốc công chịu trách nhiệm Quản lý và điều hành nhân lực, đây chuyên sản xuất của mình nhằm triển khai hoạt động sản xuất theo đúng kế hoạch.

4. Cơ cấu cổ đông

4.1. Cơ cấu cổ đông tại ngày 16/11/2021

Bảng 2: Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 16/11/2021

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông (người)	Số lượng cổ phần sở hữu (cổ phần)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
I	Cổ đông trong nước, nước ngoài	152	3.300.000	100
1	Trong nước	0	0	0
1.1	Nhà nước	0	0	0
1.2	Tổ chức	0	0	0
1.3	Cá nhân	152	3.300.000	100
2	Nước ngoài	0	0	0
2.1	Tổ chức	0	0	0
2.2	Cá nhân	0	0	0
3	Cổ phiếu quỹ	0	0	0
	Tổng cộng	152	3.300.000	100
II	Cổ đông lớn, cổ đông khác	152	3.300.000	100
1	Cổ đông lớn	3	983.000	29,78
2	Cổ đông khác	149	2.317.000	70,22
	Tổng cộng	152	3.300.000	100

(Nguồn: Danh sách cổ đông của Công ty chốt tại ngày 16/11/2021)

4.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần tại ngày 16/11/2021

Bảng 3 : Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần tại ngày 16/11/2021

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số lượng cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Bùi Minh Hằng	Tổ dân phố số 3, Phú La, Hà Đông, Hà Nội	253.000	7,667
2	Trần Đình Quyết	Xuân Viên, Nghi Xuân, Hà Tĩnh	400.000	12,121



3	Phạm Văn Lộc	10/86 A Phan Huy Ích, Phường 12, Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	330.000	10,000
Tổng cộng			983.000	29,788

(Nguồn: Danh sách cổ đông của Công ty chốt tại ngày 16/11/2021)

4.3. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 120 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020: “Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp này, cổ đông sáng lập dự định chuyển nhượng cổ phần phổ thông thì không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng cổ phần đó”.

Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kon Tum được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6100102662 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 10/10/2005, cấp thay đổi lần thứ 9 ngày 26/08/2020. Đến thời điểm hiện tại, các quy định hạn chế chuyển nhượng của cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực. Công ty không còn cổ đông sáng lập.

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Công ty, những công ty mà Công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty.

5.1 Danh sách công ty mẹ: Không có

5.2 Danh sách công ty con: Không có

5.3 Danh sách các công ty mà Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối: Không có

5.4 Danh sách các công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty:
Không có

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

Hiện nay, Công ty hoạt động chính trong lĩnh vực:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Hoạt động kinh doanh thương mại vật liệu xây dựng;

a. Hoạt động sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng

Hiện nay, Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu xây dựng Kon Tum là đơn vị chuyên sản xuất và cung ứng gạch xây dựng Tuynel trên địa bàn tỉnh Kon Tum và các tỉnh lân cận phục vụ các công trình thương mại, dân dụng và cơ sở hạ tầng.

Với đội ngũ nhân lực hùng mạnh cùng với kinh nghiệm dày dặn trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị hiện đại không ngừng được cải tiến và đổi mới để phục vụ cho sản xuất. Hiện nay, Công ty đang áp dụng dây chuyền sản xuất gạch xây dựng bằng công nghệ lò Tuynel hiện đại có công suất lớn, ít tiêu hao năng lượng, đặc biệt là thân thiện với môi trường.



Công ty cổ phần Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng Kon Tum đã cho ra đời những sản phẩm đạt yêu cầu khách hàng và có chất lượng đạt tiêu chuẩn quốc gia và thế giới.




Trong cơ cấu giá thành một viên gạch, đất sét và than là hai nguyên liệu quan trọng lần lượt chiếm khoảng 15% và 22% giá thành, còn lại là 3% dầu diesel, trải qua quá trình ngâm ủ kỹ theo đúng thời gian quy định rồi mới được đưa vào quá trình sản xuất. Chính vì thế loại gạch này có chất lượng tốt, mẫu mã ưa nhìn, khả năng chịu áp lực cao đảm bảo về mặt thời gian của công trình xây dựng mang đến cho người sử dụng yên tâm khi lựa chọn sản phẩm.

Gạch Tuynel có khả năng chống ẩm tốt nhờ vào thiết kế lò nung Tuynel đặc biệt giúp cho gạch chín đều đẹp mịn. Gạch có bản chất là vật liệu cách âm, cách nhiệt, có tính chống ẩm cao nên giúp ngăn ngừa việc tích tụ hơi nước và mang lại không gian sống thoải mái cho mọi người. Không những thế khi sử dụng loại gạch này cho ngôi nhà của bạn, nó còn có khả năng giữ nhiệt vào mùa đông, phát tán nhiệt vào mùa hè giúp nhà của bạn ấm vào mùa đông, mát vào mùa hè.

Loại gạch này còn có ưu điểm thân thiện với môi trường. Do gạch được làm từ đất sét, trải qua quá trình nung từ lò nung bằng điện, làm nguội mới hoàn thành nên nó đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường hay sức khỏe của con người. Thành phần sản xuất ra gạch cũng không chứa những nguyên liệu khó phân hủy nên khi vứt bỏ những viên gạch bị hỏng, không sử dụng nữa ra bên ngoài cũng không gây ô nhiễm môi trường. Vì vậy, loại gạch làm từ đất sét này luôn được mọi người tin tưởng sử dụng cho ngôi nhà của mình.

Nhu cầu tiêu thụ nguyên vật liệu đòi hỏi ngày càng cao về số lượng cũng như chất lượng vì vậy các doanh nghiệp sản xuất VLXD phải đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh. Với hệ thống đa dạng các sản phẩm gạch của Công ty giúp cho khách hàng có thể lựa chọn theo nhu cầu của từng hạng mục tường xây: tường bao ngoài, tường ngăn căn hộ, tường ngăn phòng...

Một số sản phẩm của Công ty sản xuất

STT	TÊN SẢN PHẨM	HÌNH ẢNH
A	Nhóm gạch xây	
1	Gạch đặc	
2	Gạch ống 2 lỗ	
3	Gạch ống 4 lỗ	



STT	TÊN SẢN PHẨM	HÌNH ẢNH
4	Gạch ống 6 lỗ	

SẢN PHẨM GẠCH GỐM CAO CẤP
HIGH QUALITY PRODUCTS OF CERAMIC


Gạch đặc 60
(Solid bricks)
KT: 220x105x60


Gạch rỗng 60
(Hollow bricks)
KT: 220x105x60

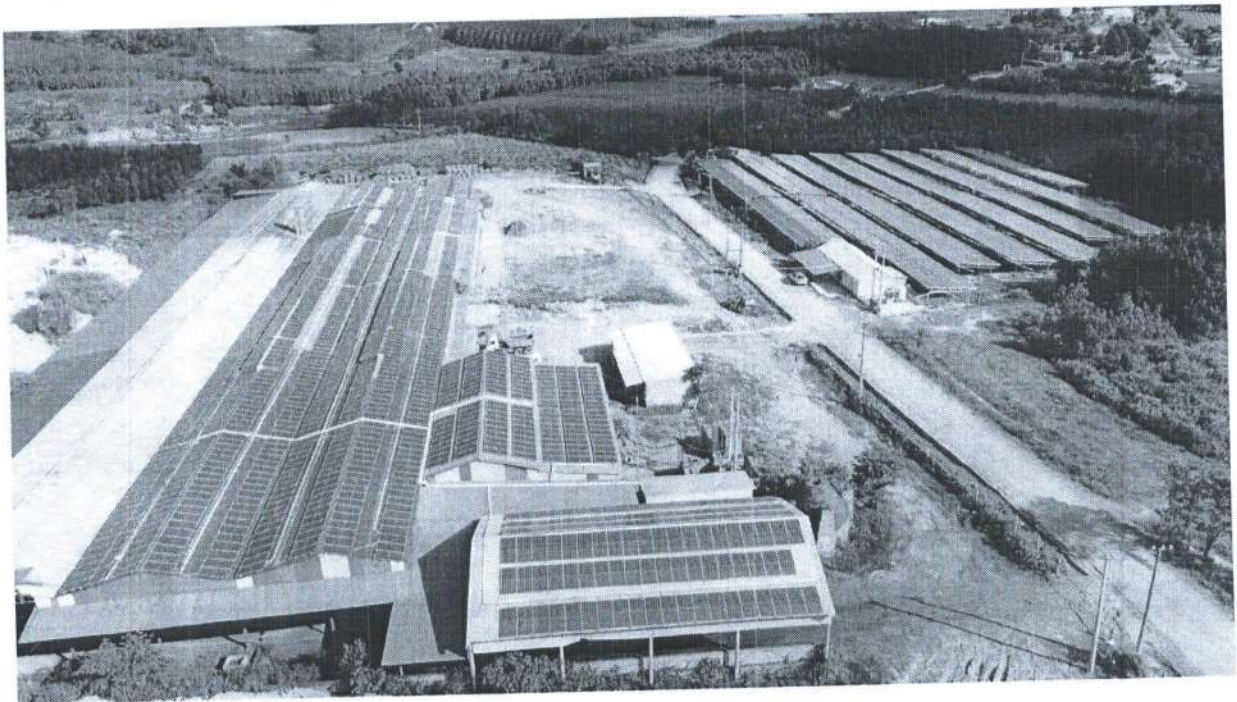

R150 Lỗ vuông
(Square shaped hollow bricks)
KT: 220x150x105

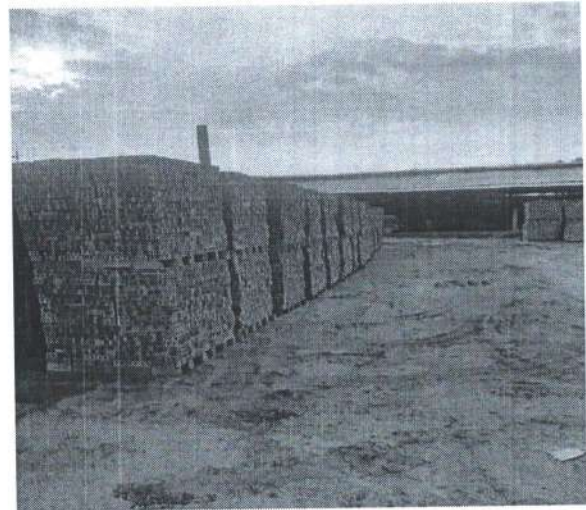

R150 Lỗ tròn
(Circle shaped hollow bricks)
KT: 220x150x105


Block
(Block)
KT: 200x200x19


Nem rỗng
(Hollow flat brick)
KT: 200x200x50

Hình ảnh nhà máy gạch của Công ty





Hiện nay, các sản phẩm gạch xây dựng của Công ty chủ yếu phân phối cho các đại lý cấp 1 chuyên bán buôn các mặt hàng vật liệu xây dựng. Doanh thu từ đối tượng khách hàng này chiếm khoảng 90% tổng nguồn thu từ mặt hàng gạch Tuynel. Ngoài ra, Công ty còn bán cho các khách hàng nhỏ lẻ và công trình xây dựng quy mô nhỏ tại địa phương mà nhà máy đang hoạt động.

Công ty áp dụng chính sách thanh toán tiền trước hoặc thu tiền khách hàng ngay sau khi thực hiện giao dịch giữa hai bên. Chính sách này một mặt giúp Công ty không bị chiếm dụng vốn lưu động, mặt khác giảm thiểu rủi ro cho bản thân Công ty.

Một số đối tác lâu năm của công ty như:

- + Công ty Cổ phần đầu tư phát triển thương mại SHP
- + Công ty TNHH Một Thành Viên Xuất Nhập Khẩu Vietwoodee
- + Công ty TNHH Đầu tư Và TMDV Hoàng Minh BG
- + Công ty Cổ phần Chế tạo máy Tuấn Việt
- + Công ty Cổ phần Công nghệ EMP
- + Công ty TNHH Thương mại và xây dựng Lý Hùng Anh
- + Công ty TNHH Minh Phát

Hàng năm Công ty đã cung cấp ra ngoài thị trường sản lượng gạch lớn đáp ứng nhu cầu của người sử dụng.

Bảng 4: Sản lượng sản xuất và sản lượng tiêu thụ của Công ty

Sản phẩm	Đơn vị tính	Năm 2019		Năm 2020	
		Sản lượng sản xuất	Sản lượng tiêu thụ	Sản lượng sản xuất	Sản lượng tiêu thụ
Gạch tuynel các	viên	13.776.665	12.199.223	13.776.665	12.199.223



Sản phẩm	Đơn vị tính	Năm 2019		Năm 2020	
		Sản lượng sản xuất	Sản lượng tiêu thụ	Sản lượng sản xuất	Sản lượng tiêu thụ
loại:					
- Gạch đặc	viên	12.744.665	11.767.100	12.744.665	11.767.100
- Gạch rỗng 6 lỗ trung	viên	1.032.000	418.923	1.032.000	418.923
- Gạch 6 lỗ lớn	viên	-	6.000	-	6.000
- Gạch 6 lỗ nhỏ	viên	-	7.200	-	7.200

(Nguồn: CTCP Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng Kon Tum)

b. Hoạt động kinh doanh thương mại vật liệu xây dựng

Tính đến nay, Công ty đã có hơn 10 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và cung cấp vật liệu xây dựng, cụ thể là cung cấp các sản phẩm gạch Tuynel. Do đó, các sản phẩm gạch của Công ty đã đạt được niềm tin và uy tín với các nhà thầu, công ty xây dựng không chỉ ở khu vực miền Trung mà cả ở một số tỉnh phía Bắc như Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Dịch vụ Hoàng Minh BG, Công ty Cổ phần Công nghệ EMP... Do đó, kể từ năm 2019, song song với việc cung cấp các sản phẩm gạch sản xuất thì Công ty đã phát triển thêm hoạt động kinh doanh thương mại vật liệu xây dựng với các sản phẩm chủ yếu vẫn là các loại gạch như gạch đặc, gạch 2 lỗ... Ngoài ra, để đa dạng hóa các sản phẩm cung cấp và đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng, Công ty đã phát triển thêm cả mảng kinh doanh thương mại các loại tôn lợp mái, thép hộp, thép cây... thường dùng trong xây dựng công nghiệp, dân dụng, cơ khí chế tạo máy, công cụ, dụng cụ, kết cấu nhà xưởng và nhiều công dụng khác. Để tăng tính cạnh tranh trên thị trường, Công ty thường chịu trách nhiệm giao hàng đến địa chỉ do khách hàng chỉ định, thường là giao hàng trực tiếp tại công trình. Do đó, với các công trình thi công tại khu vực miền Bắc, Công ty đã chủ động ký hợp đồng mua vật liệu xây dựng bao gồm cả gạch và các loại thép từ các nhà cung cấp tại các địa phương như Hà Nội, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh như Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại thép Chung Ánh Phát, Công ty TNHH Gốm Xây dựng Yên Thạch,... Công ty luôn thực hiện thanh toán đầy đủ, đúng theo tiến độ cho các nhà cung cấp. Bên cạnh đó, để thuận tiện cho việc vận chuyển và tiết kiệm chi phí, Công ty đã thực hiện gửi hàng tại kho của các nhà cung cấp theo các biên bản gửi kho kèm cam kết giao nhận hàng. Đồng thời, theo các thỏa thuận đã ký kết tại các biên bản gửi kho kèm cam kết giao nhận hàng, các nhà cung cấp sẽ chịu trách nhiệm vận chuyển hàng hóa mà Công ty đang gửi tại kho của mình đến công trình do Công ty chỉ định (hay chính là công trình do các khách hàng của Công ty chỉ định).

Bước sang năm 2020, ngoài việc cung cấp vật liệu xây dựng cho các nhà thầu thì Công ty còn cung cấp vật liệu xây dựng cho một số đại lý trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc như Đại lý Hùng Hoa, Đại lý Quang Toàn... nhằm tiếp tục mở rộng địa bàn hoạt động tại khu vực các tỉnh phía Bắc. Dự kiến



trong thời gian tới, cùng với việc phát triển hoạt động sản xuất thì Công ty cũng sẽ tiếp tục phát triển hoạt động kinh doanh thương mại nhằm mục tiêu gia tăng doanh thu, lợi nhuận cũng như mở rộng thị trường, nâng cao vị thế trên thị trường.

Bảng 5: Sản lượng tiêu thụ vật liệu xây dựng thương mại của Công ty

Sản phẩm	Đơn vị tính	Năm 2019	Năm 2020
Thép	Kg	13.000	-
Gạch đặc	viên	1.500.000	5.870.000
Gạch 2 lỗ lớn	viên	300.000	450.000

(Nguồn: CTCP Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng Kon Tum)

c. Nguyên vật liệu, các yếu tố đầu vào

❖ Nguồn cung ứng đầu vào

Trong cơ cấu giá thành một viên gạch, chi phí nguyên vật liệu chính chiếm khoảng 40%. Trong đó, đất sét và than là hai nguyên liệu quan trọng, lần lượt chiếm khoảng 15% và 22% giá thành, còn lại là 3% dầu diesel.

- Nguyên liệu đất sét:

+ Loại đất có đặc tính dẻo, mịn, giảm trọng lượng khi nung phơi, sau khi nung sẽ đổi màu, đóng cứng và kết dính. Đất sét là nguyên liệu chính cấu thành sản phẩm gạch. Trữ lượng mỏ cộng với chất lượng của nguồn đất sét đầu vào chính là những yếu tố quan trọng quyết định đến chất lượng sản phẩm xuất ra.

+ Nhà máy gạch Tuynel của Công ty được xây dựng trên vị trí địa lý thuận lợi, đất có trữ lượng khai thác tận thu từ việc san lấp mặt bằng để xây dựng nhà máy với độ sâu từ 1-2m, có trữ lượng sét là: 8.000 m³. Chất lượng các nguồn nguyên liệu này được đoàn địa chất 506, khảo sát, khoan, thăm dò và kiểm tra hoàn toàn đáp ứng yêu cầu sản xuất gạch theo TCVN hiện hành. Dự tính trữ lượng đất sét cần thiết để sản xuất trong 1 năm với công suất 20 triệu viên QTC/năm, khoảng 34.000 m³/năm.

+ Trong thời gian tới, Công ty thực hiện mua đất sét tại các địa điểm ngay gần lò gạch nơi sản xuất. Lợi thế này giúp Công ty chủ động được nguồn đất sét để sản xuất sản phẩm, từ đó có nhiều lợi thế cạnh tranh cũng như hạn chế được những rủi ro liên quan đến yếu tố đầu vào.

+ Ngày 12/4/2019, Công ty được UBND tỉnh Kon Tum ra quyết định số 218/QĐ-UBND về việc phê duyệt tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản sét là vật liệu xây dựng thông thường tại điểm mỏ thuộc thôn 2 xã Kroong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- Nguyên liệu than: Hai loại than chính sử dụng trong quy trình sản xuất gạch Tuynel của Công ty là than pha và than đốt. Để tiết kiệm chi phí vận chuyển cũng như đảm bảo tính đồng nhất về chất lượng của than trong quá trình nung – đốt, nên mỗi lần nhập kho nguyên liệu này, Công ty nhập nguyên tàu chở than với trọng tải lớn, đủ để các nhà máy sản xuất trong nhiều tháng.



- Các loại nguyên liệu khác được cung cấp từ nhiều nguồn khác nhau và có sẵn trên thị trường. Việc lựa chọn nhà cung cấp chủ yếu dựa trên cơ sở chất lượng và giá cả.

7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2019 và 2020

Bảng 6: Kết quả hoạt động kinh doanh các năm gần đây của Công ty

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Tăng (giảm) năm 2020/2019
1	Tổng giá trị tài sản	70.511.261.843	117.299.738.528	66,36%
2	Vốn chủ sở hữu	38.698.856.022	41.176.805.535	6,40%
3	Doanh thu thuần	19.443.830.819	34.324.988.037	76,53%
4	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	3.315.977.705	4.923.475.839	48,48%
5	Lợi nhuận khác	303.783.773	(2.041.888.498)	(772%)
6	Lợi nhuận trước thuế	3.619.761.478	2.881.587.341	(20,39%)
7	Lợi nhuận sau thuế	3.239.260.852	2.477.949.513	(23,50%)
8	Giá trị sổ sách một cổ phiếu	11.727	12.478	6,40%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020 của Công ty)

Theo số liệu BCTC kiểm toán năm 2020, doanh thu thuần năm 2020 đạt hơn 34,32 tỷ đồng, tăng gần 15 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2019, tốc độ tăng khoảng 76,53%, trong đó chủ yếu do sự gia tăng của doanh thu từ hoạt động thương mại thép và gạch xây dựng. Cùng với hoạt động kinh doanh gạch thành phẩm thì kể từ năm 2019, Công ty bắt đầu triển khai và đẩy mạnh hoạt động kinh doanh thương mại vật liệu xây dựng bao gồm các sản phẩm gạch xây dựng và các loại tôn lợp mái thép hộp, thép cây... Thị trường kinh doanh thương mại vật liệu xây dựng của Công ty khá đa dạng, bao gồm cả các khách hàng tại khu vực miền Trung - thị trường truyền thống và các khách hàng tại khu vực miền Bắc, tập trung tại một số tỉnh thành như Hà Nội, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh... như Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Dịch vụ Hoàng Minh BG, Công ty Cổ phần Công nghệ EMP... Với các khách hàng tại khu vực miền Bắc, Công ty chủ động ký kết hợp đồng với các nhà cung cấp trong cùng khu vực như Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại thép Chung Ánh Phát, Công ty TNHH Gốm Xây dựng Yên Thạch... để thuận tiện cho việc vận chuyển. Đồng thời, Công ty thực hiện ký kết các biên bản gửi kho kèm cam kết giao nhận hàng ký với các nhà cung cấp, nhà cung cấp sẽ chịu trách nhiệm vận chuyển hàng hóa mà Công ty đang gửi tại kho của mình đến công trình



do Công ty chỉ định (hay chính là công trình do các khách hàng của Công ty chỉ định). Việc này giúp tiết kiệm chi phí vận chuyển cũng như thuận tiện trong quá trình giao hàng, đảm bảo đáp ứng tiến độ giao hàng theo yêu cầu của các khách hàng. Bên cạnh đó, trong năm 2020, Công ty đã triển khai việc lắp đặt hệ thống điện áp mái trên mái nhà xưởng nhằm mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh tại nhà máy, tiết kiệm chi phí điện hàng tháng nhờ việc giảm giá bậc điện tiêu thụ, công suất điện thừa bán lại cho EVN với giá chưa thuế giá trị gia tăng là 8,38 Uscent/KWh, tỷ giá áp dụng là tỷ giá trung tâm của đồng Việt Nam với đô la Mỹ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày cuối cùng của năm trước để tính tiền điện thanh toán cho năm tiếp theo.¹. Do đó, bên cạnh các khoản doanh thu từ hoạt động bán thành phẩm gạch các loại và hoạt động thương mại vật liệu xây dựng thì doanh thu năm 2020 của Công ty còn đến từ hoạt động kinh doanh điện mặt trời mái nhà, với giá trị là 481 triệu đồng, chiếm tỷ trọng khoảng 1,4% trên doanh thu thuần.

Tuy nhiên, do hoạt động thương mại có biên lợi nhuận khá thấp, chỉ khoảng 3% với các mặt hàng thép và 4-5% với các mặt hàng gạch. Đồng thời, doanh thu từ hoạt động kinh doanh điện mặt trời chưa cao nên lợi nhuận gộp chỉ đạt khoảng 370,39 triệu đồng, chiếm tỷ trọng khoảng 1,08% trên doanh thu thuần. Do đó, tuy lợi nhuận gộp từ hoạt động thương mại tăng mạnh (tăng hơn 4 tỷ đồng) nhưng không đủ bù đắp sự sụt giảm của lợi nhuận gộp từ bán thành phẩm (giảm hơn 5 tỷ đồng) nên tổng lợi nhuận gộp chung của Công ty giảm nhẹ. Lợi nhuận gộp năm 2020 của Công ty là 6,67 tỷ đồng, giảm khoảng 195,25 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2019. Mặc dù lợi nhuận gộp giảm nhẹ nhưng nhờ những nỗ lực cắt giảm các chi phí nên lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh năm 2020 lại có sự tăng trưởng đáng kể so với cùng kỳ năm 2019. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh năm 2020 đạt 4,92 tỷ đồng, tăng 1,61 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2019, tốc độ tăng khoảng 48,48%. Do ảnh hưởng của việc tạm ngừng sản xuất để sửa chữa máy móc, nâng cấp hệ thống lò, nhà xưởng sản xuất và lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời trên mái nhà máy khiến các khoản chi phí phát sinh do tạm ngừng sản xuất năm 2020 lên đến 2,04 tỷ đồng (các chi phí khác phát sinh do tạm ngừng sản xuất chủ yếu là chi phí khấu hao không phục vụ sản xuất kinh doanh. Đây là khoản trích khấu hao các tài sản cố định hữu hình đang sử dụng của Công ty. Tuy nhiên do tạm ngừng sản xuất nên các khoản khấu hao này không được hạch toán vào giá thành sản phẩm hay các chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp mà phải hạch toán vào khoản mục chi phí khác. Ngoài ra, chi phí khấu hao còn bao gồm các chi phí trả trước phân bổ nhiều kỳ, các chi phí khác của bộ phận văn phòng ...). Bên cạnh đó, thu nhập khác trong năm 2020 bằng 0 nên lợi nhuận khác của Công ty năm 2020 là âm 2,04 tỷ đồng. So với mức lợi nhuận khác trong năm 2020 đã giảm hơn 2 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2019 với nguyên nhân chủ yếu chủ yếu do các chi phí phát sinh trong thời gian tạm ngừng sản xuất. Lợi nhuận khác giảm mạnh khiến tổng lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế năm 2020 đều giảm so với năm 2019. Cụ thể, giá trị lợi nhuận trước thuế và sau thuế năm 2020 lần lượt là 2,88 tỷ đồng và 2,48 tỷ đồng, giảm lần lượt 738 triệu đồng và 761,31 triệu đồng so với năm 2019, tương ứng với tốc độ giảm 20,39% và 23,5%.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành

8.1. Vị thế của Công ty trong ngành

¹Theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 06/04/2020 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế khuyến khích phát triển điện mặt trời tại Việt Nam



Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng KonTum là một trong những nhà phân phối của các đại lý cấp 1 chuyên bán buôn các mặt hàng vật liệu xây dựng. Doanh thu từ đối tượng khách hàng này chiếm khoảng 90% tổng nguồn thu từ mặt hàng gạch Tuynel, hơn nữa Công ty có các nhà cung cấp nguyên vật liệu đều là những đối tác lâu năm, tạo sự ổn định cho việc cung cấp nguyên vật liệu.

Dây chuyền sản xuất của công ty được trang bị hiện đại, Công ty đang áp dụng công nghệ sản xuất gạch bằng lò Tuynel là loại công nghệ hiện đại, có công suất lớn, ít tiêu hao năng lượng, giúp tiết kiệm chi phí và tạo ra sản phẩm có chất lượng tốt. Công tác cung ứng vật tư nguyên nhiên vật liệu, phụ tùng phục vụ cho sản xuất kinh doanh, sửa chữa được rà soát cân đối phù hợp với giá cả, định mức sử dụng tiêu dùng, giảm lượng dự trữ ở mức cho phép tạo hiệu quả đồng vốn kinh doanh, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Công ty có nhà máy sản xuất và hệ thống kho bãi đều đã hoàn thiện cơ sở vật chất, vị trí địa lý thuận lợi như có nguồn nguyên liệu dồi dào hoặc dễ dàng triển khai hệ thống phân phối đến khách hàng.

Ngoài ra, công ty có chiến lược phát triển rõ ràng, bài bản, phù hợp với định hướng phát triển chung của ngành và kế hoạch đầu tư có chiến lược rõ ràng cho từng phân khúc nhóm hàng và lợi thế địa phương, cùng với kinh nghiệm nhiều năm trong ngành của Ban lãnh đạo giúp Công ty nâng cao năng lực dự báo giá nguyên vật liệu sản xuất, bám sát diễn biến thị trường, chủ động điều chỉnh kế hoạch sản xuất cho các công ty thành viên.

Hiện nay, Công ty đang tiếp tục tích cực đầu tư trang thiết bị, đổi mới công nghệ sản xuất, nâng cao trình độ lao động, mở rộng quy mô sản xuất cũng như thị trường tiêu thụ nhằm tiếp tục củng cố và nâng cao vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Mục tiêu phát triển ngành Xây dựng giai đoạn 2021 – 2026 theo hướng hiện đại, nhanh và bền vững, đáp ứng yêu cầu phát triển, phù hợp với chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước và dựa trên cơ sở nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới, sáng tạo, tận dụng tốt kết quả của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4, chủ động hội nhập quốc tế. Từ đó, ngành Xây dựng đã đặt mục tiêu tốc độ tăng trưởng bình quân đạt từ 6 - 8%/năm. Ngoài ra, duy trì tỷ lệ 100% phù hợp quy hoạch chung đô thị và được lồng ghép các mục tiêu tăng trưởng xanh, biến đổi khí hậu; tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 45%; diện tích nhà ở bình quân toàn quốc đạt khoảng 26 - 27 m² sàn/người; diện tích nhà ở bình quân đầu người khu vực đô thị đạt khoảng 26m²/người...

Chủ tịch Hội Vật liệu xây dựng Việt Nam nhận định, thị trường tiêu thụ vật liệu xây dựng Việt Nam còn rất nhiều tiềm năng. Đánh giá, vật liệu xây dựng là ngành sản xuất quan trọng, trong khi Việt Nam đang bùng nổ xây dựng cơ sở hạ tầng và đô thị hóa như hiện nay. Bộ Xây dựng đã có Chiến lược phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam thời kỳ 2021 – 2030, định hướng đến năm 2050. Theo đó, sẽ ưu tiên đầu tư các dự án sản xuất vật liệu xây dựng mới, dự án công suất lớn ở vùng có điều kiện thuận lợi về nguyên liệu, có điều kiện phát triển công nghiệp, hạ tầng giao thông thuận lợi và gần thị trường tiêu thụ. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, sản xuất vật liệu xây dựng, phát triển cơ khí chế tạo cho công nghiệp vật liệu xây dựng.



Hơn nữa, Việt Nam là nước đang phát triển và thuộc nhóm nước có tốc độ tăng trưởng nhanh trên thế giới. Cùng với sự tăng trưởng GDP hàng năm, tốc độ đô thị hóa tăng nhanh, các khu đô thị mới được xây dựng khắp cả nước, kéo theo đó là nhu cầu đầu tư cho xây dựng cơ sở hạ tầng cũng phát triển rất mạnh. Do đó triển vọng phát triển của ngành xây dựng và cung ứng vật liệu xây dựng là rất lớn.

Trong bối cảnh người dân chưa tin tưởng sử dụng gạch không nung và giá thành loại gạch này chưa thật sự hấp dẫn thì gạch Tuynel vẫn giữ luôn giữ được thị phần và chiếm tỷ trọng lớn nhất trên thị trường. Mặt khác, trong thời gian tới các lò gạch thủ công sẽ ngừng sản xuất theo quy định pháp luật. Đây là cơ hội tốt để các công ty gạch Tuynel có quy mô lớn, quy trình sản xuất chuyên nghiệp gia tăng thị phần cũng như mở rộng sản xuất kinh doanh.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Thực trạng lao động

Chất lượng nguồn nhân lực là một yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững của một tổ chức. Do vậy, Công ty luôn đặt định hướng xây dựng đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn, tay nghề cao, có mong muốn cống hiến lâu dài.

Hiện nay, Công ty Cổ phần Sản xuất và cung ứng vật liệu xây dựng Kon Tum có cơ cấu lao động như sau:

Bảng 7: Cơ cấu lao động của Công ty hiện nay

Đơn vị: người

Chi tiết	Tại ngày 30/09/2021
I. Phân theo trình độ lao động	50
- Trên đại học	03
- Đại học, cao đẳng	05
- Trung cấp, công nhân kỹ thuật	20
- Phổ thông trung học	22
II. Phân theo hợp đồng lao động	50
- Dài hạn	22
- Ngắn hạn	28

(Nguồn: CTCP Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng Kon Tum)

9.2. Chế độ làm việc:

❖ Chính sách chung:



Công ty luôn xác định nhân lực là yếu tố quan trọng có ảnh hưởng rất lớn đến sự thành công của Công ty. Vì vậy, Công ty thường xuyên tổ chức bồi dưỡng, đào tạo để mỗi người có thể làm việc chuyên nghiệp, phát huy được năng lực cá nhân và biết hợp tác cùng đồng nghiệp.

Lực lượng lao động mới được tiếp nhận theo một quy trình chặt chẽ và có chính sách thu hút lao động có trình độ cao, có nhiều kinh nghiệm và uy tín, đồng thời Công ty cũng có chính sách trả lương đảm bảo đời sống cho cán bộ, công nhân viên. Ngoài ra, Công ty đã sử dụng một cách có hiệu quả Quỹ phúc lợi phục vụ cho các hoạt động thăm hỏi động viên, nâng cao thể chất, giải trí, nghỉ ngơi và tăng cường văn hoá doanh nghiệp.

❖ **Chế độ làm việc:**

Công ty tổ chức làm việc 8 giờ/ngày đối với bộ phận hành chính và đối với lái xe làm việc không quá 4 tiếng liên tục và không quá 10 tiếng/ngày; Đối với công nhân lao động chế độ làm việc 8 tiếng/ ngày mỗi ngày phân theo các tổ và lao động theo từng ca trong ngày. Chế độ nghỉ phép, nghỉ lễ tết, nghỉ thai sản Công ty luôn đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Công ty còn chú trọng đến việc tạo điều kiện làm việc tốt nhất cho cán bộ công nhân viên. Công ty đã xây dựng được hệ thống văn phòng làm việc, nhà xưởng khang trang thoáng mát, đầy đủ các thiết bị cần thiết phục vụ cán bộ công nhân viên làm việc hiệu quả. Các lao động trực tiếp đều được trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ, vệ sinh lao động, được tập huấn đào tạo tay nghề thường xuyên đảm bảo chất lượng tốt nhất.

❖ **Chính sách lương, thưởng và phúc lợi:**

Công ty đã xây dựng chính sách tiền lương riêng thông qua quy chế trả lương phù hợp với ngành nghề hoạt động và đảm bảo cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước. Hệ số lương được xác định dựa theo trình độ, cấp bậc, thâm niên của từng người lao động, đảm bảo phù hợp với năng lực và công việc của từng người. Khen thưởng kịp thời nhằm khuyến khích cán bộ công nhân viên hăng say lao động, góp phần thúc đẩy hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được Công ty trích nộp theo đúng quy định của pháp luật. Công đoàn Công ty được giao nhiệm vụ chăm lo đời sống vật chất tinh thần cho cán bộ, công nhân viên như khám sức khoẻ định kỳ, phát động phong trào thể thao, du lịch hàng năm, văn nghệ nhằm tạo sự đoàn kết trong toàn thể cán bộ nhân viên.

Bảng 8: Mức lương bình quân tại Công ty

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020
Số lao động bình quân (người)	45	50
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	7.500.000	7.500.000

(Nguồn: CTCP Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng Kon Tum)

Mức lương bình quân của người lao động tại Công ty cao hơn bình quân ngành và cao hơn mức lương bình quân của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Kon Tum

❖ **Chính sách tuyển dụng, đào tạo:**



Công ty có xây dựng một quy chế đào tạo được công bố công khai tới toàn bộ CBCNV trong Công ty. Quy chế đào tạo được xây dựng phù hợp theo các yêu cầu của công việc. Việc tuyển dụng lao động đảm bảo công khai, công bằng theo quy định của Nhà nước. Tuỳ theo đặc điểm, điều kiện xã hội, yêu cầu sản xuất của Công ty trong từng thời kỳ, khi cần đổi lao động thiếu nghề nào Công ty sẽ tuyển dụng nghề đó.

10. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, chính sách phân phối cổ tức do Hội đồng quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Công ty chỉ được chi trả cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- Cổ đông được chia cổ tức tương đương với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.
- Trong năm 2020, tuy hoạt động sản xuất kinh doanh đã đạt được những kết quả nhất định nhưng do Công ty vẫn đang trong quá trình xây dựng và phát triển, vì vậy nguồn lợi nhuận sau thuế chủ yếu được dùng tập trung cho việc mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư. Công ty chưa thực hiện việc chi trả cổ tức trong những năm vừa qua.

Bảng 9: Chính sách Cổ tức của Công ty

Năm	2019	2020	Dự kiến 2021
Tỷ lệ trả cổ tức (%)	16,43% bằng tiền mặt và 10% bằng cổ phiếu	-	-

(Nguồn: CTCP Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng Kon Tum)

- Về khoản cổ tức năm 2019: Theo biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường số 0207/2019/BB-ĐHĐCĐ ngày 02/07/2019, Công ty sẽ thực hiện chi trả cổ tức năm 2018 cho các cổ đông hiện hữu, trong đó cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10%, tương ứng 300.000 cổ phiếu và cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 16,43%, tương đương 4.928.167.645 đồng.
- + Ngày 08/07/2019, Công ty đã hoàn tất việc phát hành thêm 300.000 cổ phiếu để trả cổ tức, tổng giá trị phát hành thêm 3 tỷ đồng, nguồn phát hành từ quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận chưa phân phối. Tổng số vốn điều lệ sau phát hành là 33 tỷ đồng, tương ứng với 3.300.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Ngày 11/07/2019, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 ngày 11/07/2019 với số vốn điều lệ là 33 tỷ đồng.
- + Tính đến ngày 30/06/2020, Công ty đã hoàn tất việc chi trả cổ tức năm 2019 bằng tiền cho các cổ đông



11. Tình hình tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

❖ *Trích khấu hao tài sản cố định*

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 04 năm 2013; Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 10/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của 45/2013/TT-BTC và Thông tư 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

a. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định ghi nhận ban đầu bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Bảng 10: Trích khấu hao tài sản cố định của Công ty

Loại tài sản	Thời gian (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc và thiết bị	06 – 20
Phương tiện vận tải	06 – 10
Thiết bị văn phòng	03 – 10

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020 của Công ty)

b. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là các phần mềm tin học được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

❖ *Thanh toán các khoản nợ đến hạn*

Trong những năm vừa qua, các khoản nợ của Công ty luôn được thanh toán đầy đủ và đúng hạn.



❖ **Các khoản phải nộp theo luật định**

Công ty đã thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân theo quy định của Nhà nước. Số dư các khoản phải nộp Nhà nước tại các thời điểm thể hiện như sau:

Bảng 11: Các khoản phải nộp Nhà nước các năm gần đây

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020
1	Thuế giá trị gia tăng phải nộp	52.352.774	-
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	380.500.626	361.331.728
3	Thuế thu nhập cá nhân	64.699.699	-
4	Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	41.540.700	9.295.000
5	Thuế tài nguyên	364.624.500	107.737.500
	Cộng	903.718.299	478.364.228

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020 của Công ty)

❖ **Trích lập các quỹ theo luật định**

Theo quy định của Luật doanh nghiệp, việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ căn cứ vào tình hình hoạt động kinh doanh và đảm bảo tuân thủ Điều lệ của Công ty cũng như quy định của pháp luật hiện hành. Hoạt động kinh doanh của Công ty trong các năm vừa qua tuy đạt hiệu quả nhưng những năm qua Công ty đang tập trung nguồn tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh nên ĐHCĐ đã thống nhất việc chưa trích lập quỹ trong thời gian này. Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty chưa tiến hành trích lập quỹ. Việc chưa trích lập quỹ không vi phạm Điều lệ của Công ty cũng như quy định của pháp luật hiện hành.

Trong thời gian tới, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đi vào ổn định, Công ty sẽ trích lập các quỹ theo quy định.

❖ **Tổng dư nợ vay**

STT	Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020
I.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	11.696.106.679	10.057.624.230
<i>1</i>	<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<i>5.796.106.679</i>	<i>6.009.624.230</i>
1.1	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi	5.796.106.679	6.009.624.230



STT	Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020
	nhánh Kon Tum (2)		
2	Vay ngắn hạn cá nhân (1)	3.300.000.000	300.000.000
3	Nợ dài hạn đến hạn trả	2.600.000.000	3.748.000.000
3.1	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum (3)	2.600.000.000	2.800.000.000
3.2	Ngân hàng TMCP Quân đội (4)	-	948.000.000
II.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	13.411.634.019	16.313.634.019
1.1	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum (3)	13.411.634.019	10.611.634.019
1.2	Ngân hàng TMCP Quân đội (4)	-	5.702.000.000
	Tổng cộng	25.107.740.698	26.371.258.249

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020 của Công ty)

(1) Các khoản vay cá nhân bao gồm:

- Khoản vay phải trả ông Phạm Văn Lộc theo hợp đồng vay số 4A/2020/HĐV ngày 01/07/2020, số tiền vay: 3.100.000.000 đồng, lãi suất vay 2%/năm, thời hạn trả tiền vay: 30/10/2020. Số dư khoản vay tại thời điểm 31/12/2020 là 100.000.000 đồng
- Khoản vay phải trả bà Nguyễn Thị Thu Hà theo hợp đồng vay số 3A/2020/HĐV ngày 17/09/2020, số tiền vay 4.800.000.000 đồng, thời hạn trả tiền vay ngày 17/12/2020. Số dư khoản vay tại thời điểm 31/12/2020 là 200.000.000 đồng

(2) Khoản vay tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2020/666331/HĐTD ngày 01/06/2020 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum

- + Hạn mức tín dụng: 7 tỷ đồng, bao gồm dư nợ cho vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/666331/HĐTD ngày 31/05/2019
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
- + Thời hạn duy trì hạn mức: Đến hết ngày 01/06/2021
- + Thời hạn vay: Theo từng giấy nhận nợ cụ thể, lãi suất vay: theo từng giấy nhận nợ cụ thể
- + Các hình thức đảm bảo tiền vay: Các máy móc thiết bị theo Hợp đồng thế chấp số 02/2013/HĐ ngày 25/09/2013; Hợp đồng thế chấp số 01/2017/666331/HĐBĐ ngày 13/01/2017; Hợp đồng thế chấp số 02/2017/666331/HĐBĐ ngày 16/01/2017; Hợp đồng thế chấp số 03/2017/666331/HĐBĐ ngày 18/12/2017; Hợp đồng thế chấp số 01/2019/HĐBĐ ngày 28/01/2019 được ký kết giữa Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu xây dựng Kon Tum và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum
- + Số dư khoản vay tại ngày 31/12/2020: 6.009.624.230 đồng



(3) Khoản vay tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum theo hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2015/666331/HĐTD ngày 01/12/2015 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum

- + Hạn mức tín dụng: 24 tỷ đồng
- + Mục đích vay: Thanh toán các chi phí hợp lý đầu tư thực hiện Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất Gạch Tuynel tại xã Kroong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum
- + Thời hạn của hợp đồng: 120 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
- + Lãi suất cho vay: Năm thứ nhất áp dụng 0%/năm; từ năm thứ 2 trở đi áp dụng lãi suất thỏa thuận, lãi vay bằng lãi suất tiền gửi cá nhân kỳ hạn 13 tháng trả sau \pm 3,5%/năm thả nổi, điều chỉnh 6 tháng 1 lần
- + Các hình thức đảm bảo tiền vay: Khoản vay được thế chấp bằng Nhà máy và các bất động sản khác (đang có và sẽ có hình thành trong tương lai) của Công ty thuộc Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất Gạch Tuynel tại xã Kroong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum
- + Số dư khoản vay tại ngày 31/12/2020: 13.411.634.019 đồng, trong đó vay dài hạn đến hạn trả là 2.800.000.000 đồng

(4) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình theo hợp đồng cho vay số 55878.20.011.8162990.TD ngày 30/10/2020 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình

- + Số tiền cho vay: 6.650.000.000 đồng
- + Phương thức cho vay: Cho vay từng lần dài hạn
- + Mục đích sử dụng vốn vay: Tài trợ dự án điện mặt trời mái nhà công suất dưới 1mW của khách hàng tại thôn 2, xã Kroong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum
- + Thời hạn cho vay: tối đa 84 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên
- + Lãi suất: được quy định tại từng văn bản nhận nợ
- + Các hình thức đảm bảo tiền vay: Quyền đòi nợ phát sinh từ Hợp đồng mua bán điện được ký kết giữa bên vay và Công ty điện lực địa phương, Hệ thống máy móc thiết bị điện mặt trời mái nhà
- + Số dư khoản vay tại ngày 31/12/2020: 6.650.000.000 đồng, trong đó vay dài hạn đến hạn trả là 948.000.000 đồng

❖ **Tình hình công nợ**

Căn cứ vào báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020, Công ty không có nợ phải trả quá hạn.

Tình hình các khoản phải thu và số nợ phải trả của Công ty chi tiết như sau:

c. Các khoản phải thu

Bảng 12: Các khoản phải thu của Công ty các năm gần đây

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020
I. Các khoản phải thu ngắn hạn	5.742.919.811	43.819.136.932



Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.613.914.491	28.477.868.877
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	113.000.000	13.486.950.301
3. Phải thu ngắn hạn khác	16.005.320	1.854.317.754
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	-
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	-
II. Khoản phải thu dài hạn	-	-
Tổng cộng	5.742.919.811	43.819.136.932

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020 của Công ty)

d. Các khoản phải trả

Bảng 13: Các khoản nợ phải trả của Công ty các năm gần đây

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020
I. Nợ ngắn hạn	18.400.711.802	59.809.298.974
1. Phải trả người bán ngắn hạn	2.735.262.454	10.228.808.231
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	40.082.469	38.834.878.469
3. Thuế và các khoản phải nộp NN	903.718.299	478.364.228
4. Phải trả người lao động	-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	225.969.638	2.153.425
6. Phải trả ngắn hạn khác	2.799.632.263	207.470.391
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	11.696.106.679	10.057.624.230
II. Nợ dài hạn	13.411.634.019	16.313.634.019
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	13.411.634.019	16.313.634.019



Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020
9. Phải trả dài hạn khác	-	-
Tổng cộng	31.812.405.821	76.122.932.993

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020 của Công ty)

❖ **Hàng tồn kho**

Bảng 14: Tình hình hàng tồn kho các năm gần đây của Công ty

Đơn vị tính: đồng

STT	Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020
1	Nguyên liệu vật liệu	1.868.372.204	4.831.282.588
2	Công cụ dụng cụ	-	64.107.810
3	Chi phí SXKD dở dang	478.459.428	4.183.411.653
4	Thành phẩm	2.294.627.034	2.174.893.244
5	Hàng hóa	9.047.188.100	2.763.530.600
	Tổng	13.688.646.766	14.017.225.895

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020 của Công ty)

Hàng tồn kho của Công ty bao gồm các khoản mục: nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, thành phẩm và hàng hóa. Tại thời điểm cuối năm 2020, hàng tồn kho tăng nhẹ khoảng 328,58 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, sự gia tăng của nguyên vật liệu và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là nguyên nhân chính khiến hàng tồn kho tăng về cuối năm 2020. Hàng hóa cuối năm 2020 giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2019, giá trị giảm khoảng 6,28 tỷ đồng, tương đương với tốc độ giảm khoảng 69,45%. Hàng hóa bao gồm các loại gạch và thép xây dựng được Công ty nhập về để phục vụ hoạt động kinh doanh thương mại tại khu vực miền Trung và một số tỉnh phía Bắc. Để thuận tiện cho việc vận chuyển và tiết kiệm chi phí, Công ty đã thực hiện gửi hàng hóa tại kho của các nhà cung cấp theo các biên bản gửi kho kèm cam kết giao nhận hàng. Đồng thời, theo các thỏa thuận đã ký kết tại các biên bản gửi kho kèm cam kết giao nhận hàng, các nhà cung cấp sẽ chịu trách nhiệm vận chuyển hàng hóa mà Công ty đang gửi tại kho của mình đến công trình do Công ty chỉ định (hay chính là công trình do các khách hàng của Công ty chỉ định)

❖ **Đầu tư tài chính**

Tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020, Công ty có hoạt động đầu tư tài chính như sau:



Bảng 15: Các khoản đầu tư tài chính của Công ty các năm gần đây

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020
1	Đầu tư tài chính ngắn hạn	244.065.088	260.661.514
	<i>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn dưới 01 năm)</i>	244.065.088	260.661.514
2	Đầu tư tài chính dài hạn	-	2.500.000.000
	<i>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>	-	2.500.000.000
	Tổng	244.065.088	2.760.661.514

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020 của Công ty)

Khoản đầu tư tài chính dài hạn là khoản đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH Trường Sơn. Cụ thể, trong năm 2020, Công ty nhận chuyển nhượng 2.500.000.000 đồng vốn góp tại Công ty TNHH Trường Sơn từ bà Nguyễn Thị Thanh Dung (cổ đông sáng lập của Công ty TNHH Trường Sơn), giao dịch được thực hiện bằng tiền mặt. Tại ngày 31/12/2020, Công ty đang sở hữu 8% trên tổng vốn điều lệ tại Công ty TNHH Trường Sơn.

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 16: Các chỉ tiêu tài chính của Công ty

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
<u>Tài sản ngắn hạn</u>	Lần	1,16	0,99
Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
(<u>Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho</u>)	Lần	0,41	0,75
Nợ ngắn hạn			
Chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (TTS)	Lần	0,45	0,65
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (VCSH)	Lần	0,82	1,85
Chỉ tiêu về Hiệu quả hoạt động			



Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
+ Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	0,92	2
+ Vòng quay tổng tài sản (DTT/TTS bình quân)	Vòng	0,50	0,37
Chỉ tiêu về Khả năng sinh lời			
+ Hệ số LNST/Doanh thu thuần (ROS)	%	16,66	7,22
+ Hệ số LNST/VCSH bình quân (ROE)	%	8,37	6,20
+ Hệ số LNST/TTS bình quân (ROA)	%	4,59	2,64
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/DTT	%	17,05	14,34

(Nguồn: BTCT kiểm toán năm 2020 của Công ty)

12. Tình hình tài sản của Công ty

- **Hiện trạng sử dụng đất**

Bảng 17: Tình hình sử dụng đất của Công ty hiện nay

STT	Địa điểm	Diện tích (m ²)	Căn cứ pháp lý	Hình thức sử dụng đất
1	Thửa đất số 01, tờ bản đồ số 32, số 192 đường Trần Phú, phường Trường Chinh, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum	1.140	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB210903 do UBND tỉnh Kon Tum cấp ngày 25/01/2005	Đất thuê 50 năm, trả tiền hàng năm
2	Thửa đất số 686, tờ bản đồ số 27, Thôn 2, xã Kroong, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum	25.509,8	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX734194 do UBND tỉnh Kon Tum cấp ngày 18/06/2015	Đất thuê 50 năm, trả tiền hàng năm



STT	Địa điểm	Diện tích (m ²)	Căn cứ pháp lý	Hình thức sử dụng đất
3	Thửa đất số 687, tờ bản đồ số 27, Thôn 2, xã Kroong, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum	10.878,1	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX734195 do UBND tỉnh Kon Tum cấp ngày 18/06/2015	Đất thuê 50 năm, trả tiền hàng năm
Tổng cộng		37.527,9		

(Nguồn: CTCP Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng Kon Tum)

• **Tình hình tài sản đang sử dụng**

Bảng 18: Tình hình tài sản đang sử dụng của Công ty tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: đồng

STT	Tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/ Nguyên giá (%)
I	Tài sản cố định hữu hình	61.942.321.944	55.559.953.126	89,70
1	Nhà cửa và vật kiến trúc	32.420.805.887	30.068.142.672	92,74
2	Máy móc thiết bị	29.521.516.057	25.491.810.490	86,35
II	Tài sản cố định vô hình	-	-	-
Tổng cộng		61.942.321.944	55.559.953.162	89,70

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020 của Công ty)

13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

13.1. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2021

Bảng 19: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2021

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021 (*)	% (+/-) 2021/2020
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	34.325	110.000	220,47



Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021 (*)	% (+/-) 2021/2020
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	2.478	6.800	174,41
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	33.000	146.900	345,15
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	7,22	6,18	-
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	7,51	4,63	-
Tỷ lệ cổ tức	%/Mệnh giá	-	-	-

(Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của Công ty)

(*) Dự kiến sau khi hoàn thành các đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ đã được Đại hội đồng thường niên năm 2021 thông qua, Công ty sẽ có 04 Công ty con là Công ty Cổ phần Thương mại Mai Sơn Lâm, Công ty Cổ phần thiết bị điện Bình Hòa, Công ty Cổ phần Vật tư điện Hùng Cường, Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Yên Bái và Công ty Cổ phần Dược liệu Măng Đen Kon Tum. Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2021 được thông qua là kế hoạch doanh thu và lợi nhuận dự kiến sau hợp nhất của Công ty.

13.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên

Kế hoạch kinh doanh được xây dựng dựa trên một số các cơ sở và dự báo như sau:

- Trên cơ sở dự báo, nhận định trước tình hình mới, mục tiêu và nguồn lực mới, và kế thừa các kết quả hoạt động kinh doanh đã đạt được, Công ty đã xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh với sự đồng tình, nhất trí cao của người lao động và Ban lãnh đạo Công ty.
- Sau 02 lần tăng vốn, hiện nay vốn điều lệ của Công ty đã tăng lên 33 tỷ đồng. Công ty đã thực hiện đầu tư vào mua máy móc thiết bị, bổ sung vốn lưu động và hợp tác kinh doanh với các đối tác tiềm năng có cùng ngành nghề. Điều đó sẽ thúc đẩy quá trình sản xuất kinh doanh và hoàn thành kế hoạch trong các năm tiếp theo.
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kon Tum là đơn vị chuyên sản xuất và cung ứng gạch xây dựng Tuynel. Các sản phẩm gạch của Công ty được đánh giá cao về chất lượng và đang ngày càng được các đối tác khách hàng tín nhiệm đưa vào vận hành và hoạt động phục vụ cho các công trình dự án lớn. Mặc dù các sản phẩm của Công ty hiện nay gặp nhiều khó khăn do các đối thủ cạnh tranh trong ngành, nhưng nếu tạo ra sản phẩm tốt cạnh tranh và phát triển phù hợp với nhu cầu của thị trường sẽ đóng góp tốt vào kết quả kinh doanh của Công ty.
- Ngành vật liệu xây dựng luôn gắn liền với sự phát triển của lĩnh vực bất động sản và nhu cầu đầu tư xây dựng của người dân. Trong đầu năm 2021 do ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19 khiến cho nhiều ngành trong nền kinh tế rơi vào tình trạng khó khăn, thị trường bất động sản trong



thời gian này chứng kiến sự sụt giảm nghiêm trọng về nguồn cung mới và sức cầu của hầu hết các phân khúc nhà ở. Điều này đồng nghĩa với việc nhu cầu về vật liệu xây dựng đều giảm mạnh. Trước những hạn chế của tình hình thực tế, Công ty là nhà cung cấp vật liệu xây dựng cụ thể: gạch xây dựng ra ngoài thị trường, Ban Lãnh đạo Công ty đã chủ động áp dụng các biện pháp cắt giảm tối đa các chi phí không cần thiết. Công ty cũng tích cực đẩy mạnh các giải pháp phòng chống dịch bệnh, đảm bảo tuyệt đối an toàn về sức khỏe cho toàn bộ cán bộ công nhân viên, hạn chế tối đa sự lây lan dịch bệnh trong cộng đồng.

- Ngày 30/06/2021, tại cuộc họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2021, Đại hội cổ đông đã nhất trí thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần. Tổng số cổ phiếu phát hành thêm là 11.390.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu, vốn điều lệ dự kiến sau phát hành là 146.900.000.000 đồng, tương đương 14.690.000 cổ phiếu. Thông tin về phương án phát hành cổ phiếu như sau:

- + Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ thực hiện quyền: 1:1, tổng số lượng cổ phiếu chào bán là 3.300.000 cổ phiếu, tổng giá trị phát hành dự kiến là 33 tỷ đồng. Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành được dùng để thanh toán các khoản nợ đến hạn 12,1 tỷ đồng và mua cổ phần tại Công ty Cổ phần Thương mại Mai Sơn Lâm 20,9 tỷ đồng, tương đương 95% vốn điều lệ.
- + Phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần với số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành là 8.090.000 cổ phiếu, tổng giá trị phát hành dự kiến là 80.900.000.000 đồng. Tổng số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm được sử dụng để:
 - ✓ Hoán đổi lấy 2.090.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần thiết bị điện Bình Hòa (đạt từ 95% vốn điều lệ);
 - ✓ Hoán đổi lấy 2.090.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Vật tư điện Hùng Cường (đạt từ 95% vốn điều lệ);
 - ✓ Hoán đổi lấy 3.060.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Yên Bái (đạt từ 90% vốn điều lệ);
 - ✓ Hoán đổi lấy 850.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Dược liệu Măng Đen Kon Tum (đạt từ 85% vốn điều lệ);
- + Đại hội đồng cổ đông đã thống nhất ủy quyền cho HĐQT căn cứ tình hình thực tế để triển khai phương án phát hành cổ phiếu đã được thông qua và các công việc khác có liên quan. Dự kiến sau khi hoàn thành việc đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán chưa niêm yết (hệ thống giao dịch Upcom), HĐQT sẽ triển khai phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ theo nội dung đã được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.
- Các yếu tố nguyên vật liệu đầu vào sau thời gian dài biến động đến nay đã dần đi vào ổn định làm giảm áp lực chi phí của Công ty. Theo phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua, dự kiến sau khi hoàn thành các đợt tăng vốn, vốn điều lệ của Công ty sẽ tăng lên là 146,9 tỷ đồng và Công ty sẽ sở hữu 04 Công ty con với tỷ lệ sở hữu trên 85% vốn điều lệ. Do đó, kế hoạch kinh doanh dự kiến sau hợp nhất là 110 tỷ đồng doanh thu thuần và 6,8 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế. Trong đó, kế hoạch doanh thu và lợi nhuận tính riêng Công ty lần lượt là 36,5 tỷ đồng và 2,7 tỷ đồng. Tuy nhiên do ảnh hưởng bởi dịch bệnh nên việc triển khai các phương án phát hành cổ phiếu chưa được thực hiện trong năm 2021. Do đó, theo số liệu kế toán Công ty, tính đến ngày 30/09/2021, doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế của Công ty lần lượt đạt 27 tỷ đồng và 1,9 tỷ đồng, chỉ hoàn thành khoảng 24,55% kế hoạch doanh thu và



27,94% kế hoạch lợi nhuận của Công ty. Như vậy, với tình hình kinh doanh hiện tại, dự kiến Công ty chưa hoàn thành được kế hoạch doanh thu đã đặt ra trong năm 2021.

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty

Không có

15. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

❖ Định hướng phát triển hoạt động kinh doanh:

Tuân thủ pháp luật:

- Mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn được đảm bảo tuân thủ theo các Quy định của Pháp luật Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông đã được quy định cụ thể tại Điều lệ của Công ty.
- Quản lý, công tác tổ chức:
- Hoàn thiện, củng cố công tác tổ chức và hoạt động của Công ty với mô hình Công ty cổ phần, nâng cao trách nhiệm và tính chủ động của CBCNV, đảm bảo sự phát triển ổn định bền vững, lâu dài.
- Duy trì, nâng cao hệ thống quản lý chất lượng hiện có cho phù hợp yêu cầu về sản phẩm và chất lượng công trình.

Tài chính:

- Tiếp tục duy trì hạn mức thường xuyên đối với tổ chức tín dụng.

❖ Kế hoạch sản xuất kinh doanh:

Hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Trong những năm tới, Công ty sẽ tăng cường đầu tư thiết bị máy móc, áp dụng công nghệ tiên tiến để nâng cao chất lượng sản phẩm và giảm chi phí sản xuất.
- Tăng cường công tác quảng cáo, tiếp thị, quảng bá hình ảnh Công ty trên các phương tiện thông tin đại chúng đồng thời nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.
- Mở rộng thị phần mới, tăng cường quan hệ và chăm khách hàng truyền thống của Công ty. Tiếp tục làm tốt công tác thị trường, duy trì thường xuyên mối thông tin quan hệ để làm tốt công tác khách hàng đảm bảo kinh doanh có hiệu quả.
- Tiếp tục hoàn thiện các chương trình tăng cường quản lý sản xuất, quản lý kỹ thuật, giữ gìn tốt phương tiện, máy móc thiết bị và chỉ đạo thực hiện tốt các quy trình quy phạm trong bảo quản, vận hành sản xuất, đảm bảo an toàn về phương tiện, con người và môi trường.
- Duy trì hiệu quả sản xuất kinh doanh, hạn chế rủi ro, đảm bảo về yêu cầu an toàn lao động, cũng như quan tâm đúng mức về yếu tố bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên...

Phát triển nguồn nhân lực:



- Công ty chú trọng đào tạo nguồn nhân lực cả về mặt chất lượng và số lượng. Ưu tiên tuyển dụng các lao động trực tiếp có tay nghề vững, cán bộ có kinh nghiệm và chuyên môn đáp ứng yêu cầu của sản xuất trong điều kiện hội nhập kinh tế. Đồng thời trẻ hóa lực lượng cán bộ trong Công ty.
- Tiếp tục quan tâm, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ công nhân viên, thực hiện tốt các chính sách, chế độ với người lao động, tạo điều kiện để mọi người hoàn thành tốt công tác, nhiệm vụ.

16. Các thông tin, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty

Không có

II. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động của Hội đồng quản trị

Danh sách thành viên HĐQT gồm:

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Ông Phạm Văn Lộc	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Hoàng Văn Công	Thành viên HĐQT điều hành
3	Ông Nguyễn Tuấn Linh	Thành viên HĐQT không điều hành
4	Ông Dương Công Phú	Thành viên HĐQT không điều hành
5	Ông Lê Quang Thạch	Thành viên HĐQT không điều hành

1.1. Ông Phạm Văn Lộc – Chủ tịch HĐQT

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh: 15/09/1985
- Nơi sinh : Nam Định
- Quốc tịch : Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 10/86 A, Phan Huy Ích, P.12, Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh
- Số CMND: 025339685 Ngày cấp: 15/09/2010 Nơi cấp: CA. Tp HCM
- Năng lực chuyên môn: Kỹ Sư
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:



Thời gian	Chức vụ - Nơi công tác
2010 – 2013	Nghiên cứu sinh tại Nhật chuyên ngành đóng tàu
2014 - 2016	Kinh doanh vật liệu xây dựng
2016 - 2018	Trưởng phòng kinh doanh Công ty cổ phần cao su Hiệp Hưng
2018 - 7/2019	Trưởng phòng kinh doanh CTCP sản xuất và cung ứng vật liệu xây dựng Kon Tum
7/2019 – nay	Chủ tịch HĐQT CTCP sản xuất và cung ứng vật liệu xây dựng Kon Tum

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong CTCP Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng Kon Tum: 494.800 cổ phần, chiếm 14,99% vốn điều lệ. Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 330.000 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ;
 - + Sở hữu đại diện: 0% cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ;
 - + Sở hữu của người có liên quan: 164.800 cổ phần, chiếm 4,99% vốn điều lệ.

STT	Họ và Tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
1	Phạm Thị Thúy	Em gái	164.800	4,99%

- Các khoản nợ đối với CTCP Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng Kon Tum: Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Theo quyết định của ĐHĐCĐ
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có

1.2. Ông Hoàng Văn Công - Thành viên HĐQT điều hành kiêm Giám đốc

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 02/06/1969
- Nơi sinh : Xã Mộc Bắc, Huyện Duy Tiên, Hà Nam
- Quốc tịch : Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Xã Nghĩa Hưng, Huyện Chư Păh, Gia Lai
- Số CMND : 230093063 Ngày cấp: 19/04/2014 Nơi cấp: CA tỉnh Gia Lai
- Năng lực chuyên môn: Kỹ Sư cơ khí
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:



Thời gian	Chức vụ - Nơi công tác
1996 – 2006	Nhân viên kỹ thuật tại Công ty Cổ phần Vật liệu và xây lắp Gia Lai
2006 – 3/2013	Cán bộ Kỹ thuật tại Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây lắp Gia Lai
4/2013 – 8/2014	Quản đốc phân xưởng về kỹ thuật tại Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng Kon Tum
9/2014 – 6/2019	Giám đốc tại Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng Kon Tum
2014 – nay	Thành viên HĐQT tại Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng Kon Tum
8/2020 - nay	Giám đốc tại Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng Kon Tum

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong CTCP Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng Kon Tum: 1.000 cổ phần, chiếm 0,03% vốn điều lệ. Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 1.000 cổ phần, chiếm 0,03% vốn điều lệ;
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ;
 - + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ.
- Các khoản nợ đối với CTCP Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng Kon Tum: Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Theo quyết định của ĐHĐCĐ
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có

1.3. Ông Nguyễn Tuấn Linh - Thành viên HĐQT không điều hành

- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 11/10/1986
- Nơi sinh : Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Thị trấn Xuân Mai, Chương Mỹ, Hà Nội
- Số CMND: 112020500 Ngày cấp: 11/06/2012 Nơi cấp: Công an Hà Nội
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên HĐQT



- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc CTCP Goldstar Việt Nam kiêm Giám đốc Công ty TNHH Xây dựng và phát triển Lâm Viên
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ - Nơi công tác
2008 - 2014	Chuyên viên tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2014 - nay	Giám đốc tại Công ty Cổ phần Goldstar Việt Nam
2015 - nay	Giám đốc tại Công ty TNHH Xây dựng và phát triển Lâm Viên
7/2019 - nay	Thành viên HĐQT tại Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng Kon Tum

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong CTCP Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng Kon Tum: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ. Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ;
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ;
 - + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ.
- Các khoản nợ đối với CTCP Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng Kon Tum: Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Theo quyết định của ĐHĐCĐ
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có

1.4. Ông Dương Công Phú - Thành viên HĐQT không điều hành

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh: 22/02/1972
- Nơi sinh : Bắc Giang
- Quốc tịch : Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: P9-A39, tập thể Yên Lãng, Thịnh Quang, Đống Đa, Hà Nội
- Số CMND : 013625425 Ngày cấp: 02/04/2013 Nơi cấp: Công an Hà Nội
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Nhân viên tại Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á
- Quá trình công tác:



Thời gian	Chức vụ - Nơi công tác
1999 – 2001	Nhân viên tại Công ty Cổ phần Savico Hà Nội
2001 – 2004	Nhân viên tại Tập đoàn Tân Hoàng Minh
2005 – 12/2013	Kinh doanh, buôn bán tự do tại Hà Nội
2014 – 2016	Nhân viên tại Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông
2016 – nay	Nhân viên tại Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á
07/2019 – nay	Thành viên HĐQT tại Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng Kon Tum

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng Kon Tum: 100 cổ phần, chiếm 0,003% vốn điều lệ. Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 100 cổ phần, chiếm 0, 003% vốn điều lệ;
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ;
 - + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ.
- Các khoản nợ đối với CTCP Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng Kon Tum: Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Theo quyết định của ĐHĐCĐ
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có

1.5. Ông Lê Quang Thạch - Thành viên HĐQT không điều hành

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh: 15/09/1991
- Nơi sinh : Phụng Thượng, Phúc Thọ, Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Cụm 4, Phụng Thượng, Phúc Thọ, Hà Nội
- Số CMND: 001091004487 Ngày cấp: 19/12/2014 Nơi cấp: Công an Hà nội
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên Hội đồng quản trị
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Trưởng phân phối vùng CTCP Hăng Sơn Đông Á
- Quá trình công tác :



Thời gian	Chức vụ - Nơi công tác
2015 - 2017	Nghiên cứu sinh tại Nhật
2017 - nay	Trưởng phân phối vùng Công ty cổ phần hăng sơn Đông Á
7/2019 – nay	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng Kon Tum

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng Kon Tum: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ. Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ;
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ;
 - + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
- Các khoản nợ đối với CTCP Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng Kon Tum: Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Theo quyết định của ĐHĐCĐ
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có

2. Ban Kiểm soát

Danh sách thành viên Ban Kiểm soát của Công ty như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bà Nguyễn Thị Thúy Nga	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Ông Nguyễn Văn Nhu	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Bà Đào Thị Hằng Nga	Thành viên Ban Kiểm soát

2.1. Bà Nguyễn Thị Thúy Nga - Trưởng Ban Kiểm soát

- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 12/02/1993
- Nơi sinh: Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 161 Cù Chính Lan, Phường Trần Tế Xương, Thành phố Nam Định
- Số CMND: 163149892 Ngày cấp: 03/06/2009 Nơi cấp: CA Nam Định
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kế toán



- Chức vụ đang nắm giữ tại CTCP Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng Kon Tum: Trưởng ban kiểm soát.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ - Nơi công tác
2016 - 2019	Kế toán trưởng tại CTCP XNK Simex Việt Nam
7/2019 - nay	Trưởng BKS tại Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng Kon Tum

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong CTCP Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng Kon Tum: 1.000 cổ phần, chiếm 0,03% vốn điều lệ. Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 1.000 cổ phần, chiếm 0,03% vốn điều lệ;
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ;
 - + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ.
- Các khoản nợ đối với CTCP Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng Kon Tum: Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Theo quyết định của ĐHĐCĐ
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có

2.2. Ông Nguyễn Văn Nhu - Thành viên Ban kiểm soát

- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 15/05/1986
- Nơi sinh : Vĩnh Phúc
- Quốc tịch : Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Kim Xá, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc
- Số CMND: 135194349 Ngày cấp: 25/12/2013 Nơi cấp: CA Vĩnh Phúc
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên Ban kiểm soát.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Kế toán trưởng tại CTCP Gạch ngói Vĩnh Phúc
- Quá trình công tác:



Thời gian	Chức vụ - Nơi công tác
2008 - 2010	Kế toán tổng hợp tại Công ty TNHH Anhome
2011 - 2013	Kế toán tổng hợp tại Công ty TNHH Đạo Hồng Phát
6/2013 - 10/2015	Kế toán tổng hợp tại Công ty TNHH MTV Green Park Việt Nam
11/2015 - nay	Kế toán trưởng tại CTCP Gạch ngói Vĩnh Phúc
7/2019 - nay	Thành viên BKS tại Công ty cổ phần Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng Kon Tum

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong CTCP Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng Kon Tum: 1.000 cổ phần, chiếm 0,03% vốn điều lệ. Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 1.000 cổ phần, chiếm 0,03% vốn điều lệ;
 - + Sở hữu đại diện: 0% cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ;
 - + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ.
- Các khoản nợ đối với CTCP Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng Kon Tum: Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Theo quyết định của ĐHĐCĐ
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có

2.3. Bà Đào Thị Hằng Nga – Thành viên Ban kiểm soát

- Giới tính : Nữ
- Ngày sinh : 22/10/1986
- Nơi sinh : Hoàng Long – Phú Xuyên – Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ hiện tại : Hoàng Lâu – Tam Dương – Vĩnh Phúc
- Số CMND : 112003522 Ngày cấp: 04/12/2003 . Tại: Công an tỉnh Hà Tây
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kế toán
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Nhân viên kế toán CTCP Gạch Ngói Vĩnh Phúc
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ - Nơi công tác
2005 - 2007	Học tại Trường Trung cấp KTKT Thăng Long



2008 – 2013	Nhân viên kế toán tại Công ty Cổ phần ĐTXD TM Hùng Cường
2014 – nay	Nhân viên kế toán tại CTCP Gạch Ngói Vĩnh Phúc
7/2019 – nay	Thành viên BKS tại Công ty cổ phần Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng Kon Tum

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong CTCP Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng Kon Tum: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ. Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ;
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ;
 - + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ.
- Các khoản nợ đối với CTCP Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng Kon Tum: Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Theo quyết định của ĐHĐCĐ
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có

3. Giám đốc và người quản lý khác

Danh sách thành viên Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Hoàng Văn Công	Giám đốc
2	Ông Nguyễn Viết Giáp	Kế toán trưởng

3.1. Ông Hoàng Văn Công - Giám đốc

Thông tin chi tiết đã nêu tại mục II-1.2

3.2. Ông Nguyễn Viết Giáp - Kế toán trưởng

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 26/02/1994
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Cụm 1, Liên Hiệp, Phúc Thọ, Hà Nội
- Số CMND: 017311132 Ngày cấp: 05/08/2011 Nơi cấp: CA Hà Nội
- Trình độ học vấn: 12/12
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kinh tế



- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Kế toán trưởng kiêm người được uỷ quyền CBTT
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ - Nơi công tác
01/2016 - 11/2016	Nhân viên tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín
11/2016 - 8/2017	Kế toán viên tại Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Hà Nội
9/2017 - 12/2019	Kế toán trưởng tại Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Hà Nội
2019 – nay	Kế toán trưởng tại Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng Kon Tum
10/2020 - nay	Người được uỷ quyền CBTT tại Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng Kon Tum

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong CTCP Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng Kon Tum: 1.000 cổ phần, chiếm 0,03% vốn điều lệ. Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 1.000 cổ phần, chiếm 0,03% vốn điều lệ;
 - + Sở hữu đại diện: 0% cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ;
 - + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ.
- Các khoản nợ đối với CTCP Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng Kon Tum: Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có

4. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty

Điều lệ Công ty đã tuân thủ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 năm 2020 và đã tham chiếu Điều lệ mẫu theo quy định.

Công ty tuân thủ đầy đủ quy định về công bố thông tin và quản trị công ty đại chúng, đồng thời luôn chú trọng việc tăng cường quản trị Công ty theo Luật doanh nghiệp; Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 06/12/2019 và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ban hành ngày 31/12/2020.

Bên cạnh đó, Công ty đang từng bước thay đổi và hoàn thiện cơ cấu tổ chức quản trị nhằm đảm bảo sự tuân thủ thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của Công ty đại chúng với tiêu chí về tính minh bạch và hiệu quả luôn được ưu tiên hàng đầu. Cụ thể, công tác quản trị của Công ty hiện tập trung chủ yếu vào các nội dung sau:



- Hoàn thiện định hướng phát triển của Công ty trong giai đoạn 05 năm tới; xác định rõ định hướng ngành nghề để xây dựng chiến lược đầu tư, chiến lược kinh doanh dịch vụ đảm bảo cho sự phát triển bền vững của Công ty; xác định giá trị cốt lõi của Công ty.
- Tiếp tục hoàn thiện các quy chế quản lý nhằm tăng cường hiệu lực hoạt động của bộ máy, nâng cao tính chủ động, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị.
- Chỉ đạo và tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát đảm bảo cho các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; các quy định của pháp luật và quy chế quản lý nội bộ được thực thi trong toàn công ty.
- Triển khai mạnh mẽ các giải pháp tái cấu trúc quản trị doanh nghiệp; hoàn thiện và áp dụng các quy trình, phương thức quản trị doanh nghiệp thật sự khoa học, tinh gọn đảm bảo hiệu quả hoạt động của bộ máy quản lý.
- Tiếp tục hoàn thiện các chính sách đối với người lao động nhằm thu hút nhân tài và tạo sự gắn bó của người lao động đối với Công ty.
- Tiếp tục chỉ đạo ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin phục vụ quản lý.
- Công ty luôn chú trọng công tác tăng cường quản trị công ty thông qua việc cử các thành viên HĐQT tham gia các khoá học về quản trị công ty để nắm bắt và vận dụng được các kiến thức, kinh nghiệm quản trị hiện đại vào Công ty.



5. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

TT	Họ và tên cố đông	Chức vụ (đối với NNB)	Quan hệ với NNB/cố đông lớn (đối với người có liên quan)	Số CMT/ ĐKKD/ Passport	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Tài khoản LKCK	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Thời gian chế chuyển nhượng - nếu có
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
A Thành viên Hội đồng quản trị (HDQT)											
1	Phạm Văn Lộc	Chủ tịch HDQT	Bố	025339685	15/09/2010	CA. Tp HCM	10/86 A, Phan Huy Ích, P.12, Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh	Không có	330.000	10	-
1.1	Phạm Văn Chiến		Bố	025685694	12/8/2007	CA. Tp HCM	10/86 A, Phan Huy Ích, P.12, Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh	Không có	0	0	-
1.2	Vũ Thị Ngân		Mẹ	029863175	5/4/2014	CA. Tp HCM	10/86 A, Phan Huy Ích, P.12, Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh	Không có	0	0	-
1.3	Phạm Thị Thúy		Em gái	023474512	23/7/2009	CA. Tp HCM	26 KP4, Tân Chánh Hiệp, Q12, TP Hồ Chí Minh	Không có	164.800	4,99	-
1.4	Mai Thị Hồng Lành		Vợ	024344982	07/01/2005	CA. Tp HCM	10/86 A, Phan Huy Ích, P.12, Gò Vấp, TP Hồ Chí	Không có	0	0	-

BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỜ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG KON TUM



1.5	Phạm Mai Ly		Con gái				Còn nhỏ		Minh	10/86 A, Phan Huy Ích, P.12, Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh	Không có	0	0	-					
1.6	Phạm Quỳnh Anh		Con gái				Còn nhỏ		10/86 A, Phan Huy Ích, P.12, Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh	Không có	0	0	-						
1.7	Phạm Thế Anh		Con trai				Còn nhỏ		10/86 A, Phan Huy Ích, P.12, Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh	Không có	0	0	-						
2	Hoàng Văn Công	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc			230093063	19/04/2014	CA tỉnh Gia Lai	Xã Nghĩa Hưng, Huyện Chư Păh, Gia Lai	Không có	1.000	0,03	-							
2.1	Tổng Thi Thiêm		Mẹ		061139027	11/04/1979	CA tỉnh Hà Nam	Xã Nghĩa Hưng, Huyện Chư Păh, Gia Lai	Không có	0	0	-							
2.2	Hoàng Văn Bằng		Anh trai		230886951	17/03/2008	CA tỉnh Gia Lai	Xã Nghĩa Hưng, Huyện Chư Păh, Gia Lai	Không có	0	0	-							
2.3	Hoàng Văn Trọng		Anh trai		185300802	15/01/2014	CA tỉnh Hà Nam	Xã Nghĩa Hưng, Huyện Chư Păh, Gia Lai	Không có	0	0	-							
2.4	Hoàng Văn Trường		Anh trai		035065000647	26/08/2016	Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và	Xã Nghĩa Hưng, Huyện Chư Păh, Gia Lai	Không có	0	0	-							

BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỜ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG KON TUM



					DLQG về dân cư								
2.5	Hoàng Thị Tường		Chi gái	168441733	20/03/2010	CA tỉnh Hà Nam	Xã Nghĩa Hưng, Huyện Chư Păh, Gia Lai	Không có	0	0	-		
2.6	Ngô Thị Hoa		Vợ	231201096	16/04/2019	CA tỉnh Gia Lai	Xã Nghĩa Hưng, Huyện Chư Păh, Gia Lai	Không có	0	0	-		
2.7	Hoàng Văn Thái		Con trai				Xã Nghĩa Hưng, Huyện Chư Păh, Gia Lai	Không có	0	0	-		
2.8	Hoàng Sinh Hùng		Con trai				Xã Nghĩa Hưng, Huyện Chư Păh, Gia Lai	Không có	0	0	-		
3	Nguyễn Tuấn Linh	Thành viên HĐQT		112020500	11/06/2012	CA Hà Nội	Thị trấn Xuân Mai, Chương Mỹ, Hà Nội	Không có	0	0	-		
3.1	Nguyễn Đình Thăng		Bố	111051142	12/08/2012	CA Hà Nội	Thị trấn Xuân Mai, Chương Mỹ, Hà Nội	Không có	0	0	-		
3.2	Nguyễn Thị Lan		Mẹ	111614129	25/12/2013	CA Hà Nội	Thị trấn Xuân Mai, Chương Mỹ, Hà Nội	Không có	0	0	-		
3.3	Nguyễn Việt Phương		Em trai	112334222	06/06/2006	CA Hà Nội	Thị trấn Xuân Mai, Chương Mỹ, Hà Nội	Không có	0	0	-		
3.4	Nguyễn Thị Quỳnh Như		Vợ	012503796	04/04/2002	CA Hà Nội	Thị trấn Xuân Mai, Chương Mỹ, Hà Nội	Không có	0	0	-		

BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỜ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG KON TUM



3.5	Nguyễn Thảo Chi		Con gái	Còn nhỏ			Thị trấn Xuân Mai, Chương Mỹ, Hà Nội	Không có	0	0	-
4	Lê Quang Thạch	Thành viên HĐQT		013625425	02/04/2013	Công An Hà Nội	P9-A39, tập thể Yên Lãng, Th/Quang, Đống Đa, Hà Nội	Không có	100	0,003	-
					25/5/2013	CA Hà Nội	P9-A39, tập thể Yên Lãng, Th/Quang, Đống Đa, Hà Nội	Không có	0	0	-
					6/2/2011	CA Bắc Giang	Thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	Không có	0	0	-
4.1	Lê Thị Tự		Mẹ	013954835	25/5/2013	CA Hà Nội	P9-A39, tập thể Yên Lãng, Th/Quang, Đống Đa, Hà Nội	Không có	0	0	-
4.2	Lê Quang Luật		Anh trai	128936542	6/2/2011	CA Bắc Giang	Thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	Không có	0	0	-
4.3	Lê Quang Đạo		Em trai	126983693	18/10/2008	CA Bắc Giang	Thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	Không có	0	0	-
4.4	Lê Thị Phương		Chị gái	123958012	16/10/2008	CA Bắc Giang	Thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	Không có	0	0	-
4.5	Lê Minh Ngọc		Chị gái	120975360	28/9/2012	CA Bắc Giang	Thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	Không có	0	0	-
4.6	Lê Nguyễn Phương Liên		Con gái	Còn nhỏ			P9-A39, tập thể Yên Lãng, Th/Quang, Đống Đa, Hà Nội	Không có	0	0	-
4.7	Lê Nguyễn Quang		Con trai	Còn nhỏ			P9-A39, tập thể Yên Lãng, Th/Quang, Đống Đa, Hà Nội	Không có	0	0	-



	Minh					Th/Quang, Đống Đa, Hà Nội				
5	Dương Công Phú	Thành viên HĐQT		001091004487	19/12/2014	Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư Cụm 4, Phường Thượng, Phúc Thọ, Hà Nội	Không có	0	0	-
5.1	Dương Công Tường		Bố	111282309	23/11/2011	Cụm 4, Phường Thượng, Phúc Thọ, Hà Nội	Không có	0	0	-
5.2	Cần Thị Quyết		Mẹ	110855902	23/11/2011	Cụm 4, Phường Thượng, Phúc Thọ, Hà Nội	Không có	0	0	-
5.3	Dương Hải Yến		Chi gái	00118400825	22/07/2015	Thị trấn Phúc Thọ, huyện Phúc Thọ, Hà Nội	Không có	0	0	-
5.4	Dương Thị Huyền		Chi gái	001187000765	15/04/2014	Thôn Thu Quế, xã Song Phương, huyện Đan Phượng, Hà Nội	Không có	0	0	-
B	Thành viên Ban Kiểm soát (BKS)									
1	Nguyễn Thị Thúy Nga	Trưởng BKS		163149892	03/06/2009	161 Cù Chính Lan, Phường Trần Tế Xương, Thành phố Nam	Không có	1.000	0,03	-



1.1	Nguyễn Tiến Hùng		Bố	163879256	12/12/2009	CA Nam Định	161 Cù Chính Lan, Phường Trần Tế Xương, Thành phố Nam Định	Không có	0	0	-								
1.2	Trần Thị Thu Hằng		Mẹ	165087920	16/5/2008	CA Nam Định	161 Cù Chính Lan, Phường Trần Tế Xương, Thành phố Nam Định	Không có	0	0	-								
1.3	Nguyễn Mạnh Hải		Em trai	163280452	16/12/2007	CA Nam Định	161 Cù Chính Lan, Phường Trần Tế Xương, Thành phố Nam Định	Không có	0	0	-								
1.4	Nguyễn Thị Minh Nguyệt		Em gái	036198005268	14/3/2015	Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLOG về dân cư	161 Cù Chính Lan, Phường Trần Tế Xương, Thành phố Nam Định	Không có	0	0	-								
1.5	Trần Thanh Bình		Chồng	163890275	02/9/2011	CA Nam Định	161 Cù Chính Lan, Phường Trần Tế Xương, Thành phố Nam Định	Không có	0	0	-								
2	Nguyễn Văn Nhu	Thành viên BKS		135194349	25/12/2013	CA Vĩnh Phúc	Kim Xá, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc	Không có	1.000	0,03	-								
2.1	Nguyễn Kim Cường		Bố	135776197	05/04/2012	CA Vĩnh Phúc	Kim Xá, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc	Không có	0	0	-								

BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỜ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG KON TUM



2.2	Trần Thị Hiền		Mẹ	135776196	05/04/2012	CA Vinh Phúc	Kim Xá, Vinh Tường, Vinh Phúc	Không có	0	0	-
2.3	Nguyễn Kim Cương		Anh trai	017437056	23/11/2012	CA Hà Nội	Phường Đình - Đan Phượng - Hà Nội	Không có	0	0	-
2.4	Nguyễn Thị Hòe		Chị gái	026183001008	01/09/2015	Cục CS ĐK QL cư trú và DLQG	Phường Đình - Đan Phượng - Hà Nội	Không có	0	0	-
2.5	Tương Thị Vĩnh		Vợ	135156705	08/01/2014	CA Vinh Phúc	Kim Xá, Vinh Tường, Vinh Phúc	Không có	0	0	-
2.6	Nguyễn Minh Nhật		Con trai				Kim Xá, Vinh Tường, Vinh Phúc	Không có	0	0	-
2.7	Nguyễn Minh Anh		Con gái				Kim Xá, Vinh Tường, Vinh Phúc	Không có	0	0	-
2.8	Nguyễn Minh Ánh		Con gái				Kim Xá, Vinh Tường, Vinh Phúc	Không có	0	0	-
3	Đào Thị Hằng Nga	Thành viên BKS		112003522	04/12/2003	CA tỉnh Hà Tây	Hoàng Lâu, Tam Dương, Vinh Phúc	Không có	0	0	-
3.1	Đào Xuân Thanh		Bố	136936021	17/11/2005	CA Vinh Phúc	Hoàng Lâu, Tam Dương, Vinh Phúc	Không có	0	0	-
3.2	Trần Thị Oanh		Mẹ	136903560	16/4/2013	CA Vinh Phúc	Hoàng Lâu, Tam Dương, Vinh Phúc	Không có	0	0	-
3.3	Đào Xuân Thủy		Anh trai	132546823	02/5/2013	CA Vinh Phúc	Hoàng Lâu, Tam Dương, Vinh Phúc	Không có	0	0	-



3.4	Đào Thị Sơn	Chi gái	130005601	08/6/2011	CA Vinh Phúc	Hoàng Lâu, Tam Dương, Vĩnh Phúc	Không có	0	0	-
3.5	Trần Văn Tinh	Chồng	130325411	12/6/2010	CA Vinh Phúc	Hoàng Lâu, Tam Dương, Vĩnh Phúc	Không có	0	0	-
3.6	Trần Tuấn Tú	Con trai		Còn nhỏ		Hoàng Lâu, Tam Dương, Vĩnh Phúc	Không có	0	0	-
3.7	Trần Anh Tuấn	Con trai		Còn nhỏ		Hoàng Lâu, Tam Dương, Vĩnh Phúc	Không có	0	0	-
C	Thành viên Ban Giám đốc									
1	Hoàng Văn Công	Giám đốc		Như đã nêu tại mục A/2/Thành viên HĐQT						
D	Kế toán trưởng									
1	Nguyễn Việt Giáp	Kế toán trưởng kiêm người được ủy quyền CBTT	017311132	05/08/2011	CA Hà Nội	Cụm 1, Liên Hiệp, Phúc Thọ, Hà Nội	Không có	1.000	0,03	-
1.1	Nguyễn Việt Quý	Bố	110113283	05/10/2010	CA Hà Nội	Cụm 1, Liên Hiệp, Phúc Thọ, Hà Nội	Không có	0	0	-
1.2	Giang Thị Tuyết	Mẹ	112025574	16/12/2003	CA Hà Nội	Cụm 1, Liên Hiệp, Phúc Thọ, Hà Nội	Không có	0	0	-
1.3	Nguyễn Thị Thu	Chi gái	017034828	20/10/2008	CA Hà Nội	Sơn Đông, Sơn Tây, Hà Nội	Không có	0	0	-

**BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG KON TUM**



1.4	Dương Thi Thanh	Vợ	017295926	27/06/2011	CA Hà Nội	Cụm 1, Liên Hiệp, Phúc Thọ, Hà Nội	Không có	0	0	-
-----	-----------------	----	-----------	------------	-----------	------------------------------------	----------	---	---	---



6. Thống kê các giao dịch giữa Công ty với người có liên quan trong năm 2020

STT	Đối tượng	Mối quan hệ	Giao dịch	Giá trị (đồng)
1	Hoàng Văn Công	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	Thù lao Thành viên HĐQT, Ban Giám đốc	60.000.000
Tổng cộng				60.000.000

III. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
2. Phụ lục II: Điều lệ công ty
3. Phụ lục III: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020
4. Phụ lục IV: Các tài liệu khác

Kon Tum, ngày 25 tháng 11 năm 2021

CTCP SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU
XÂY DỰNG KON TUM

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG
VẬT LIỆU XÂY DỰNG
KON TUM
HOÀNG VĂN CÔNG